



**Chính phủ  
Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**



**Chương trình Phát triển  
Liên Hợp Quốc**

# **KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA 2006 - 2010**

**Hà Nội, 9 tháng 5 năm 2006**

## KHUÔN KHỔ CHUNG

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là “Chính phủ”) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (sau đây gọi là “UNDP”) nhất trí với nhau về nội dung của tài liệu này, cũng như trách nhiệm của mỗi bên trong việc thực hiện Chương trình Quốc gia hợp tác giữa hai bên.

Để phát huy sự nhất trí và hợp tác giữa hai bên trong việc thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ và các Hội nghị Thượng đỉnh và Công ước của Liên Hợp Quốc mà Chính phủ và UNDP đã cam kết, trong đó có: Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ và Tuyên bố Thiên niên kỷ; Hội nghị Thượng đỉnh Rio+10 về Phát triển bền vững; Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ+ 5; và các công ước có liên quan khác của Liên Hợp Quốc mà Việt Nam là một bên tham gia;

Để phát huy kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện Khuôn khổ Hợp tác Quốc gia chu kỳ 2001 - 2005;

Để sẵn sàng bước vào giai đoạn hợp tác mới 2006 - 2010;

Tuyên bố rằng những trách nhiệm này sẽ được thực thi trên tinh thần hợp tác chặt chẽ và quan hệ đối tác tin cậy lẫn nhau, hai bên đã thoả thuận như sau:

---

### PHẦN I. CƠ SỞ CỦA MỐI QUAN HỆ GIỮA CHÍNH PHỦ VÀ UNDP

- 1.1 Chính phủ và UNDP đã thực hiện Hiệp định Trợ giúp khung cơ bản (SBAA), được hai bên ký kết ngày 21 tháng 3 năm 1978, nhằm điều tiết sự trợ giúp của UNDP tại Việt Nam. Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Quốc gia (CPAP) này, cùng với các Kế hoạch công tác năm (AWP) được thoả thuận sau đây sẽ tạo thành “văn kiện dự án” như đã được nêu trong Hiệp định SBAA, trừ trường hợp nhà tài trợ yêu cầu tiếp tục sử dụng mẫu văn kiện dự án hiện hành.
- 1.2 CPAP được xây dựng dựa trên các hợp phần cơ bản của Khuôn khổ trợ giúp phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDAF) và Văn kiện Chương trình quốc gia (CPD) của UNDP, đặc biệt là các thách thức phát triển, trọng tâm chương trình, mục tiêu dài hạn và kết quả trực tiếp được xác định trong những tài liệu này. CPAP cũng dựa trên kết quả của các cuộc tham vấn rộng rãi giữa Chính phủ và cộng đồng tài trợ quốc tế trong quá trình xây dựng Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 của Việt Nam, trong đó đã lồng ghép các mục tiêu và nội dung của Chiến lược Toàn diện về Tăng trưởng và Giảm nghèo. CPAP thực chất là kết quả của quá trình tham vấn có sự tham gia rộng rãi của các cơ quan tổng hợp của Chính phủ, các đối tác chủ yếu của Việt Nam, các tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc và các đối tác quốc tế khác.

### PHẦN II. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH

- 2.1 Từ khi phát động *công cuộc Đổi mới* vào năm 1986, Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thực tế 7,5% hàng năm. Những thay đổi chính sách trong thời gian đầu - nổi bật nhất là đổi mới quản lý nông nghiệp, nới lỏng các biện pháp kiểm soát từ trung ương đối với hoạt động sản xuất và phân phối các nhu yếu phẩm, và ổn định tình hình ngân sách và tiền tệ - đã có tác động tích cực ngay lập tức đến hoạt động sản xuất và mức sống của người dân. Các biện pháp cải cách càng gia tăng trong những năm 1990 thì tốc độ tăng trưởng kinh tế càng cao hơn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định đã mang lại những bước cải thiện đáng kể về chất lượng cuộc sống của hàng triệu người

dân. Tỷ lệ nghèo theo báo cáo đã giảm từ khoảng 70% vào giữa thập niên 1980 xuống còn 24,1% trong năm 2004<sup>1</sup>.

- 2.2 Việt Nam đã đạt được những thành tựu đầy ấn tượng trong việc thực hiện các *Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ*. Việt Nam đã dẫn đầu các nước đang phát triển trong việc cắt giảm hơn một nửa tỷ lệ nghèo như đã đề cập ở trên, vượt xa lịch trình toàn cầu. Tuy nhiên, những số liệu điều tra gần đây cho thấy khoảng cách đang gia tăng giữa người giàu và người nghèo, giữa thành thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền ngược<sup>2</sup>, về các chỉ số phát triển kinh tế, xã hội và con người liên quan đến các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Thêm vào đó, việc trợ giúp những người nghèo còn lại là một thách thức to lớn, đặc biệt là trợ giúp các nhóm dân cư nghèo nhất thường là người các dân tộc thiểu số hoặc sinh sống ở vùng sâu, vùng xa. Những nhóm người này thường phải chịu các hình thức cách biệt không chỉ về mặt địa lý mà còn về mặt ngôn ngữ và xã hội cũng như ít có khả năng tiếp cận với các nguồn thông tin, tri thức và cơ hội cần thiết để cải thiện cuộc sống của mình<sup>3</sup>. Quá trình phân cấp quản lý càng đòi hỏi phải nâng cao năng lực các cấp trong công tác lập kế hoạch, xây dựng ngân sách và thực hiện, và do đó cũng đòi hỏi phải tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các bên liên quan.
- 2.3 *Tình hình nghèo*: Mặc dù tỷ lệ nghèo theo báo cáo đã giảm nhanh chóng, song tình hình nghèo vẫn còn khá nghiêm trọng ở các vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số. Tình trạng chênh lệch giữa các nhóm thu nhập cũng như giữa thành thị và nông thôn ngày càng gia tăng. Tốc độ tạo việc làm chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của hơn 1,4 triệu người gia nhập thị trường lao động mỗi năm<sup>4</sup>. Để tiếp tục giảm nghèo, cần thực hiện những điều chỉnh có trọng tâm và mục tiêu rõ rệt đối với các chính sách, thể chế, chương trình và công tác huy động, phân bổ nguồn lực (kể cả nguồn vốn ODA) ở cấp địa phương. Thêm vào đó, Việt Nam cũng đang đứng trước thách thức to lớn trong việc phát triển hơn nữa khu vực kinh tế tư nhân trong nước được coi là một động lực bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững, xoá đói giảm nghèo, cũng như đẩy nhanh nỗ lực hội nhập quốc tế và gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) bằng cách thức có thể giảm thiểu tác động tiêu cực và mang lại lợi ích tối đa cho đất nước nói chung và cho người nghèo nói riêng.
- 2.4 *Phát triển bền vững về môi trường*: Việt Nam đã thực hiện những bước đi quan trọng tiến tới xây dựng khuôn khổ chính sách và luật pháp cho sự nghiệp phát triển bền vững về môi trường. Ba ví dụ cụ thể là: (i) Định hướng Chiến lược Phát triển bền vững (Chương trình Nghị sự Thế kỷ 21 của Việt Nam) được Chính phủ phê duyệt; (ii) Nghị quyết về bảo vệ môi trường trong quá trình đẩy mạnh hiện đại hoá và công nghiệp hoá được Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành; và (iii) Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi vừa được Quốc hội thông qua. Tuy nhiên, hãy còn nhiều việc phải làm để có thể thực hiện đầy đủ các luật, chiến lược quốc gia và công ước quốc tế về môi trường, đi đôi với việc cải thiện công tác quản trị môi trường nói chung, nhằm bảo đảm tốc độ tăng trưởng nhanh về mặt kinh tế mà không làm cho môi trường bị xuống cấp, không dẫn đến những rủi ro lớn hơn cho sức khoẻ con người, và không làm cạn kiệt nhanh chóng nguồn đa dạng sinh học và các tài nguyên thiên nhiên phong phú khác của đất nước. Đồng thời, còn nhiều hạn chế về năng lực trong việc xây dựng và phổ biến rộng rãi những giải pháp “các bên cùng có lợi” đối với các vấn đề về môi trường, góp phần xoá đói giảm nghèo, hạn chế rủi ro và giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai.
- 2.5 *Tăng cường quản trị quốc gia theo nguyên tắc dân chủ*: Mặc dù Việt Nam đã tiến những bước dài trong việc tăng cường các định chế của ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhưng chưa thể thoả mãn với những thành tựu thu được. Năm 2006 Đại hội toàn quốc X của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ được tổ chức và bắt đầu giai đoạn hai của Chương trình Tổng thể về Cải cách hành chính sẽ được triển khai thực hiện, góp phần đẩy nhanh tốc độ

<sup>1</sup> Việt Nam thực hiện Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, Chính phủ Việt Nam, Hà Nội, tháng 9/2005, trang 7.

<sup>2</sup> Trích báo cáo trên đây, trang 9.

<sup>3</sup> Xoá bỏ khoảng cách Thiên niên kỷ, Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, tháng 11/2003.

<sup>4</sup> Điều tra về thanh niên Việt Nam, Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê, UNICEF và WHO, Hà Nội, tháng 8/2005.

cải cách, tăng cường chất lượng và hiệu quả của hệ thống tổ chức, thể chế và tài chính của Chính phủ cũng như làm sâu rộng hơn quá trình phân cấp quản lý. Năm 2007 bầu cử Quốc hội Khóa XII sẽ được tổ chức, dự kiến sẽ có những thay đổi về cơ cấu của Quốc hội, có nhiều đại biểu mới được bầu và số đại biểu chuyên trách sẽ tăng lên. Quyền lực của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp đã được tăng cường thông qua một khuôn khổ pháp lý thông thoáng hơn, nhưng các cơ quan này cần có đủ năng lực để thực thi các chức năng về lập pháp, đại diện và giám sát ngày càng được giao nhiều hơn cho họ. Chiến lược Phát triển hệ thống pháp luật đến năm 2010 và Định hướng đến năm 2020, và Chiến lược Cải cách tư pháp - đã được thông qua trong năm 2005 - đề cập những cơ hội và thách thức lớn trong việc tăng cường nhà nước pháp quyền và khả năng tiếp cận tư pháp. Nhìn chung, còn nhiều việc phải làm để tăng cường năng lực cho cấp địa phương, đấu tranh chống tham nhũng, nâng cao vai trò của báo chí và tạo dựng môi trường thuận lợi hơn cho sự phát triển của các doanh nghiệp và tăng cường sự tham gia của người dân và phát triển xã hội dân sự. Tuy Việt Nam đã khởi động một chương trình phân cấp mạnh mẽ về ngân sách, hành chính và chính trị, song vẫn chưa có một khuôn khổ thể chế và pháp lý đầy đủ để tăng cường sự tham gia, trách nhiệm giải trình và tính minh bạch ở cấp tỉnh, huyện và xã. Cần tăng cường năng lực cho các cấp chính quyền để có thể đáp ứng tốt nhu cầu của các thành phần dân cư đa dạng. Việc tăng cường công tác quản trị quốc gia theo nguyên tắc dân chủ thực chất là điều kiện tiên quyết để Việt Nam có thể giải quyết một cách có hiệu quả những thách thức nảy sinh trong quá trình phát triển của mình.

2.6 *Tình trạng lan truyền HIV/AIDS:* Những ước tính mới nhất cho thấy số người chung sống với HIV/AIDS ở Việt Nam đã tăng theo cấp số nhân trong giai đoạn 1999-2003, và dịch bệnh này tiến triển theo chiều hướng chung của các nước khác, tức là HIV/AIDS bắt đầu từ những đối tượng tiêm chích ma túy, sau đó lan truyền qua những người hành nghề mại dâm, rồi sang dân chúng nói chung. Đây là điều rất đáng lo ngại, đặc biệt khi các nước láng giềng có tỷ lệ lây nhiễm rất cao. Trước tình hình đó, Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2006-2010 và tầm nhìn đến năm 2020 và đi đầu trong việc tuyên truyền về giảm thiểu tác hại, chống phân biệt đối xử và kỳ thị, và khuyến khích thái độ chấp nhận những người chung sống với HIV/AIDS. Các nhà tài trợ đã đáp ứng nỗ lực của Chính phủ bằng việc tăng thêm sự trợ giúp về kỹ thuật cũng như tài chính. Giờ đây, Chính phủ cần nâng cao vai trò lãnh đạo, năng lực và sự điều phối của quốc gia, cũng như áp dụng các phương thức tiếp cận đa ngành và nhạy cảm về giới, nhằm thực hiện thành công các mục tiêu to lớn của Chiến lược.

2.7 *Bình đẳng giới:* Chỉ số giới trong phát triển của Việt Nam đạt mức khá cao và ngày càng cải thiện, cụ thể là đạt giá trị 0,689, xếp thứ 87 trong số 177 nước được điều tra năm 2002<sup>5</sup>, so với mức 0,687, xếp thứ 89 trong số 175 nước được điều tra năm 2001<sup>6</sup>. Chính phủ đã phấn đấu tăng cường bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục, dịch vụ và việc làm. Trẻ em gái và trẻ em trai đều được tiếp cận bình đẳng với giáo dục tiểu học, nhưng vẫn còn có sự khác biệt ở bậc trung học và ở các bậc học cao hơn. Tình trạng định kiến về giới và tư tưởng trọng nam vẫn tồn tại ở tất cả các tầng lớp xã hội; thời gian làm việc trung bình khoảng 13 giờ mỗi ngày đối với phụ nữ và 9 giờ mỗi ngày đối với nam giới, bởi vì phụ nữ thường phải đảm nhận cùng một lúc công việc nội trợ, chăm sóc con cái và việc làm tạo thu nhập<sup>7</sup>. Thêm vào đó, mặc dù tỷ lệ phụ nữ nắm giữ các cương vị lãnh đạo và quản lý đã được cải thiện đáng kể trong thời gian gần đây, nhưng vẫn còn hạn chế và điều này chưa phản ánh đúng vai trò của họ trong lực lượng lao động xã hội<sup>8</sup>. Vẫn còn nhiều việc phải làm để bảo đảm cho phụ nữ được bảo vệ một cách bình đẳng trước pháp luật.

<sup>5</sup> Báo cáo Phát triển con người của UNDP, 2004.

<sup>6</sup> Báo cáo Phát triển con người của UNDP, 2003 và 2004.

<sup>7</sup> Việt Nam thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, Chính phủ Việt Nam, Hà Nội, tháng 9/2005, trang 17.

<sup>8</sup> Trích dẫn từ báo cáo trên, trang 18.

- 2.8 *Thanh niên trong thời kỳ chuyển đổi*: Có tới 36% dân số và 55,5% lao động xã hội ở Việt Nam là thanh niên, được xác định là những công dân có độ tuổi từ 16 đến 30 theo Luật Thanh niên của Việt Nam và tỷ lệ này dự kiến sẽ tiếp tục gia tăng trong những năm tới đây. Cuộc Điều tra toàn diện về thanh niên Việt Nam tiến hành trong hai năm 2003-2004 cho thấy một bức tranh toàn cảnh tích cực về thanh niên Việt Nam trong khi họ đối mặt với các thách thức cũng như cơ hội trong môi trường kinh tế và xã hội không ngừng thay đổi. Báo cáo điều tra cũng cho thấy những chênh lệch về mặt xã hội trong thanh niên Việt Nam (nhất là trong thanh niên các dân tộc thiểu số và nữ thanh niên), và nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết phải tiếp tục đầu tư, đặc biệt để tạo việc làm, nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên và dạy nghề, cũng như tạo dựng khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho thanh niên<sup>9</sup>. Luật Thanh niên vừa được Quốc hội thông qua sẽ góp phần đáp ứng các nhu cầu của thanh niên Việt Nam cũng như nâng cao địa vị, vai trò và sự tham gia của họ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **PHẦN III. QUÁ TRÌNH HỢP TÁC VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

- 3.1 Trong Khuôn khổ Hợp tác Quốc gia lần thứ hai (2001 - 2005), UNDP đã tập trung vào các chương trình, dự án mang tính chiến lược trong các lĩnh vực: (a) quản lý cải cách, (b) sinh kế bền vững và (c) quản lý môi trường, cũng như các sáng kiến mang tính liên ngành liên quan tới HIV/AIDS, lồng ghép vấn đề giới và phát triển dựa trên các quyền. Trọng tâm của UNDP trong việc hỗ trợ cải cách công tác quản trị quốc gia đã được chứng minh là rất phù hợp với Việt Nam, bởi vì việc phát triển hệ thống luật pháp và thể chế và tăng cường năng lực cho các ngành hành pháp và lập pháp cũng là trọng tâm của tiến trình cải cách nói chung.
- 3.2 Cuộc Kiểm điểm giữa kỳ Khuôn khổ Hợp tác Quốc gia giai đoạn 2001-2005 được tiến hành năm 2004, và đợt Đánh giá kết quả phát triển được thực hiện năm 2003, cùng một loạt các cuộc đánh giá và nghiên cứu tác động đã kêu gọi cần tập trung nhiều hơn nữa vào việc hỗ trợ cải cách công tác quản trị quốc gia, chuyển dịch mạnh hơn sang tư vấn chính sách và thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao tính bền vững và tác động của sự hỗ trợ của UNDP.
- 3.3 Nguồn vốn ODA có vai trò hỗ trợ, còn Chính phủ và nhân dân Việt Nam giữ vai trò chủ đạo. Để tăng cường hơn nữa vai trò làm chủ của quốc gia, khi lựa chọn các cơ quan đối tác và đội ngũ quản lý dự án phía Việt Nam, cần chú ý phát huy tối đa năng lực hiện có hoặc xây dựng năng lực mới trong trường hợp năng lực hiện nay chưa đủ đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, việc sớm xác định và giải quyết các vấn đề tồn tại có ý nghĩa sống còn cho việc thực hiện thành công các chương trình, dự án.
- 3.4 Nguồn trợ giúp của UNDP là tương đối khiêm tốn so với tổng nguồn lực phát triển của Việt Nam. Do đó, sự trợ giúp của UNDP sẽ có hiệu quả hơn nếu được dùng để hỗ trợ việc sử dụng các nguồn vốn khác. Nhằm mục đích này, UNDP cần tập trung vào việc hỗ trợ tăng cường năng lực quốc gia và cung cấp trợ giúp kỹ thuật cho việc xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án và chính sách cải cách do quốc gia giữ vai trò chủ đạo, đặc biệt trong những lĩnh vực mà UNDP đã thể hiện lợi thế so sánh của mình.
- 3.5 Do nguồn kinh phí thường xuyên của UNDP còn hạn hẹp, nên cần sử dụng nguồn tài chính này như chất xúc tác và bổ sung thêm bằng các nguồn kinh phí không thường xuyên. Chính phủ và UNDP đã huy động được những nguồn kinh phí bổ trợ như vậy thông qua các phương thức tiếp cận sáng tạo, như "cơ chế góp vốn" mở và có thể bổ sung thêm. Cơ chế này cũng đã có tác dụng tăng cường sự hài hoà giữa các đối tác phát triển.
- 3.6 Nhìn chung, phương thức quốc gia điều hành dự án (NEX) áp dụng cho các chương trình/dự án do UNDP hỗ trợ đã phát huy tác dụng rất tốt và góp phần tăng cường

<sup>9</sup> *Điều tra về Thanh niên Việt Nam*, Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê, UNICEF và WHO, Hà Nội, tháng 8/2005.

năng lực quốc gia trong việc quản lý viện trợ nước ngoài. Tuy nhiên, cần linh hoạt khi lựa chọn phương thức điều hành dự án. Phương thức NEX sẽ phát huy tác dụng tốt hơn với việc sử dụng các cơ quan chuyên môn thuộc Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế khác để bổ sung cho nguồn năng lực và kiến thức còn thiếu ở trong nước.

- 3.7 Những bài học kinh nghiệm chủ chốt khác là cần phải: (a) xây dựng một khuôn khổ chính sách vĩ mô thuận lợi cho việc thử nghiệm và nhân rộng các sáng kiến vi mô mang tính thí điểm; (b) tăng cường chính sách, công tác giám sát và các thể chế ở cấp địa phương, nhất là trong khâu xây dựng kế hoạch, lập ngân sách, theo dõi và điều phối; (c) lồng ghép giới (trong các hoạt động và chính sách công) và các quyền con người vào hoạt động phát triển; (d) cải thiện công tác quản lý tri thức, kể cả việc tổng hợp bằng văn bản và phổ biến các kinh nghiệm một cách có hệ thống; và (f) thiết lập mối liên kết chặt chẽ hơn với các đối tác phát triển khác.

#### **PHẦN IV: ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC MỚI**

- 4.1 CPAP được thiết kế nhằm góp phần thực hiện hai trong số ba mục tiêu dài hạn của UNDAF, đó là Mục tiêu số 1 về sự tăng trưởng công bằng hơn, bền vững hơn và mang lại lợi ích cho nhiều đối tượng dân cư hơn, và Mục tiêu số 3 về một nền quản trị quốc gia hỗ trợ hiệu quả cho sự nghiệp phát triển dựa trên các quyền<sup>10</sup>. Đây là những lĩnh vực mà UNDP đã thể hiện lợi thế so sánh của mình, đã đúc rút được nhiều bài học bổ ích từ những hoạt động hợp tác trước đây và có khả năng tạo ra sự khác biệt. CPAP cũng đã được điều chỉnh cho phù hợp với các ưu tiên phát triển của quốc gia, phù hợp với các mục tiêu mới được đề xuất cho Kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, trong đó có mục tiêu cố gắng “tránh nguy cơ bị tụt hậu so với các nước khác, đưa Việt Nam thoát khỏi nhóm các nước có mức thu nhập thấp và thực hiện thành công các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ phù hợp với các cam kết quốc tế của mình<sup>11</sup>”.
- 4.2 CPAP bao hàm một số ít dự án thuộc Khuôn khổ Hợp tác Quốc gia 2001-2005 còn tiếp tục được thực hiện trong một hoặc hai năm tới, và một số dự án vừa được Chính phủ và UNDP phê duyệt với nguồn kinh phí được tạm ứng từ chu kỳ Chương trình Quốc gia 2006-2010. CPAP cũng tạo điều kiện cho các dự án mới đang được các bên xây dựng và sẽ đề xuất trong tương lai. Các dự án mới này sẽ được phê duyệt trên cơ sở đệ trình cho Chính phủ các đề cương chi tiết dựa vào các mục tiêu tương ứng được đề cập tại văn bản CPAP này và theo một mẫu chung được Chính phủ và UNDP xây dựng. Đồng thời, các kết quả trực tiếp tương ứng trong CPAP cũng lồng ghép các nhóm giải pháp và kết quả nghiên cứu dự kiến sẽ thực hiện bằng năng lực nghiên cứu tại chỗ của Văn phòng UNDP. Chính phủ và UNDP sẽ tiến hành tham khảo ý kiến thường xuyên để bảo đảm các sáng kiến này sẽ được lựa chọn dựa trên ưu điểm của chúng, chúng sẽ tạo thành một thể thống nhất và góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu dài hạn và kết quả trực tiếp của Chương trình Quốc gia đã được xác định.
- 4.3 Ngoài các ý tưởng dự án được mô tả chi tiết tại các hợp phần về nội dung chuyên môn sau đây, UNDP sẽ cùng với các đối tác chính của mình, chủ yếu ở các cấp địa phương, xây dựng một “Chương trình khung” làm công cụ chủ yếu trong việc hỗ trợ quá trình phân cấp quản lý và tăng cường năng lực ở cấp địa phương. “Chương trình khung” này sẽ được xây dựng và thực hiện theo tinh thần của Tuyên bố Hà Nội. Đó sẽ là một cơ chế xuất phát từ nhu cầu, trong đó có nhiều giải pháp trợ giúp có thể lựa chọn cho các loại đối tác khác nhau. Các giải pháp trợ giúp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của công tác xóa đói giảm nghèo, cải thiện công tác quản trị ở địa phương, giảm thiểu rủi ro thiên tai, bảo đảm tính bền vững về môi trường và bảo vệ sức khỏe của người dân. Các đối tác của UNDP có thể là Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, các sở, các ủy ban đặc biệt ở cấp

<sup>10</sup> Mục tiêu số 2 của UNDAF là nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

<sup>11</sup> *Dự thảo Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010*, Chính phủ Việt Nam, tháng 9/2005.

tỉnh và các tổ chức quần chúng. Trợ giúp kỹ thuật trong nước và quốc tế cho chương trình này sẽ được rút ra từ các dự án đang thực hiện ở cấp trung ương và các sáng kiến đối tác vừa được xây dựng. Kinh phí cho chương trình này sẽ lấy từ các nguồn vốn thường xuyên của UNDP và chính quyền địa phương, cùng với nguồn lực bổ sung sẽ được huy động thêm.

- 4.4 Khung kết quả và nguồn lực của CPAP phản ánh các mục tiêu dài hạn của Chương trình Quốc gia, các kết quả trực tiếp của Chương trình Quốc gia và các chỉ tiêu thực hiện hàng năm, đồng thời chi tiết hoá các chỉ số đo lường các kết quả trực tiếp, các đối tác quốc gia chính và dự kiến phân bổ ngân sách cho từng mục tiêu dài hạn của Chương trình Quốc gia. Do vậy, Khung kết quả và nguồn lực là một phần hữu cơ của CPAP và tạo cơ sở cho việc cụ thể hoá thành các Kế hoạch công tác năm hoặc để thiết kế các dự án cụ thể trong tương lai.
- 4.5 Việc phân bổ kinh phí cho các chương trình, dự án sẽ được tiến hành sao cho có thể bảo đảm ít nhất 50% tổng nguồn vốn của UNDP sẽ được trực tiếp sử dụng cho các hoạt động trợ giúp ở cấp địa phương.

#### **A. Nâng cao chất lượng tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo**

- 4.6 Sự trợ giúp của UNDP trong việc nâng cao chất lượng tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo sẽ liên quan đến hai tiểu hợp phần chương trình là xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững về môi trường. Mặc dù cả hai tiểu hợp phần đều góp phần thực hiện *Mục tiêu số 1 của UNDAF*, nhưng mỗi tiểu hợp phần này lại góp phần thực hiện mục tiêu riêng trong Chương trình Quốc gia, và chúng mang tính bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau.
- 4.7 Sự trợ giúp của UNDP trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo sẽ góp phần xây dựng các chính sách và biện pháp can thiệp vì người nghèo, qua đó hỗ trợ tăng trưởng công bằng hơn và mang lại lợi ích cho nhiều đối tượng dân cư hơn. Sự trợ giúp này sẽ tập trung vào việc thực hiện năm (5) kết quả trực tiếp chủ yếu của Chương trình Quốc gia, được mô tả chi tiết hơn trong các mục dưới đây:

- i) Nâng cao chất lượng thiết kế và thực hiện có hiệu quả hơn Chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội cho các xã nghèo nhất, trong đó UNDP sẽ hỗ trợ thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
- Thiết kế các chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo một cách minh bạch, có sự tham gia rộng rãi, nhạy cảm về giới và có tính đến bài học rút ra từ cuộc đánh giá được tiến hành năm 2005 đối với thể hệ đầu của các chương trình mục tiêu quốc gia;
  - Xây dựng các hệ thống theo dõi và đánh giá có hiệu quả ở cấp trung ương và địa phương nhằm theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu về xoá đói giảm nghèo và phổ biến thông tin đến các bên quan tâm, qua đó nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và thực hiện các chương trình này;
  - Xây dựng các cơ chế có hiệu quả nhằm cải thiện công tác xác định nhóm đối tượng và mở rộng sự tham gia của người dân, qua đó tăng cường khả năng tiếp cận của người nghèo (nam giới và nữ giới) cũng như trẻ em với các chương trình mục tiêu và tăng thêm lợi ích họ được thụ hưởng từ những chương trình này;
  - Thiết kế và đưa vào thực hiện hệ thống phân bổ ngân sách và quản lý tài chính đối với các chương trình mục tiêu một cách minh bạch và có sự tham gia rộng rãi; và
  - Tăng cường năng lực thực hiện các chương trình mục tiêu ở các cấp, trong đó có năng lực của những người có nhiệm vụ theo dõi tiến độ của các chương trình này.

Trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu đã được Chính phủ phê duyệt, các đối tác quốc gia chính của UNDP là Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội (Bộ LĐTB & XH) và

Ủy ban Dân tộc. Tùy theo chức năng và nhiệm vụ của mình, các bộ khác và các cơ quan chính quyền địa phương, nhất là Bộ Kế hoạch & Đầu tư (Bộ KH & ĐT) và Bộ Tài chính, sẽ được huy động tham gia vào việc quản lý và thực hiện các nhóm giải pháp này.

ii) Xây dựng một khuôn khổ an sinh xã hội toàn diện hơn, theo nguyên tắc lũy tiến và mang lại lợi ích cho nhiều đối tượng dân cư hơn, trong đó UNDP sẽ hỗ trợ thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau:

- Xác định những bất cập về mặt kiến thức và tiến hành nghiên cứu, qua đó góp phần vào các cuộc thảo luận chính sách đối với việc xây dựng một khuôn khổ an sinh xã hội toàn diện hơn, theo nguyên tắc lũy tiến và mang lại lợi ích cho nhiều đối tượng dân cư hơn;
- Xây dựng sự đồng thuận giữa các đối tác quốc gia và quốc tế chủ yếu về lộ trình tiến tới xây dựng một kế hoạch quốc gia toàn diện về an sinh xã hội và luật an sinh xã hội, cũng như nhu cầu trợ giúp kỹ thuật cho công việc này;
- Cung cấp trợ giúp kỹ thuật cho việc xây dựng kế hoạch quốc gia toàn diện về an sinh xã hội và chuẩn bị dự thảo luật an sinh xã hội, cũng như soạn thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện;
- Tăng cường năng lực quốc gia và khắc phục những bất cập về mặt kiến thức nhằm thực hiện, theo dõi và đánh giá có hiệu quả kế hoạch quốc gia về an sinh xã hội và luật an sinh xã hội.

Theo yêu cầu của Chính phủ, UNDP đang trao đổi với Bộ LĐTB & XH và các đối tác quốc gia khác để xác định nhu cầu trợ giúp kỹ thuật và xây dựng chương trình hỗ trợ trong lĩnh vực này. Trong việc thực hiện các nhóm hành động chủ yếu trên đây, đối tác quốc gia chính của UNDP là Bộ LĐTB & XH, với sự tham gia của Viện Khoa học xã hội Việt Nam (Viện KHXHVN), Bảo hiểm y tế Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ KH & ĐT và Quốc hội.

iii) Xây dựng một khuôn khổ dựa trên nhu cầu, theo nguyên tắc cùng tham gia và có tính đến vấn đề giới để theo dõi và tuyên truyền có hiệu quả hơn đối với công tác xóa đói giảm nghèo, các Mục tiêu Phát triển của Việt Nam và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. UNDP sẽ hỗ trợ thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu như sau:

- Sửa đổi và cập nhật hệ thống chỉ số thống kê quốc gia cho việc theo dõi Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010 và các Mục tiêu Phát triển của Việt Nam và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ;
- Sửa đổi và cập nhật Kế hoạch hành động và Kế hoạch tăng cường năng lực về thống kê quốc gia;
- Nâng cao chất lượng, hài hòa và hợp lý hoá việc thu thập số liệu thống kê;
- Xây dựng và cải tiến các cơ chế báo cáo, phổ biến, sử dụng và lưu trữ số liệu;
- Hỗ trợ kỹ thuật cho việc kiểm điểm giữa kỳ/đánh giá tác động về mặt xã hội của Kế hoạch Phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2006-2010, nhằm cung cấp thông tin khách quan cho việc điều chỉnh Kế hoạch 5 năm.
- Hỗ trợ giúp kỹ thuật cho Chính phủ soạn thảo Báo cáo Phát triển con người của Việt Nam và Báo cáo Tiến độ thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ.

Trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu đã được Chính phủ phê duyệt này, các đối tác quốc gia chính của UNDP là Tổng cục Thống kê và Bộ KH & ĐT, với sự tham gia tích cực của các bộ có liên quan như Bộ LĐTB & XH, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (Bộ NN & PTNT), Bộ Giáo dục & Đào tạo (Bộ GD&ĐT), Bộ Y tế và Ủy ban Nhân dân của các tỉnh/thành được lựa chọn.



- iv) Tăng cường hiểu biết và đề xuất các phương án xúc tiến các chính sách tài chính công vì người nghèo, có tính đến tác động của tự do hoá thương mại và cải cách tài chính. UNDP sẽ tập trung hỗ trợ thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
- Tiến hành phân tích các chính sách tài chính công hiện hành và chuẩn bị các báo cáo thảo luận chuyên đề về chính sách;
  - Tư vấn về thiết kế và đưa vào hoạt động các định chế và khuôn khổ để bảo đảm nguồn thu và chi bền vững và bình đẳng; và
  - Hỗ trợ Chính phủ trong công tác quản lý, sử dụng và điều phối nguồn vốn ODA, thông qua việc tăng cường năng lực thu thập, phân tích và báo cáo số liệu một cách có hệ thống, cải tiến công tác lập quy hoạch chiến lược và xây dựng khuôn khổ pháp lý, cũng như tăng cường hài hoà hoá giữa Chính phủ và các nhà tài trợ theo các nguyên tắc chủ đạo và ưu tiên của Tuyên bố Hà Nội.

Trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây, các đối tác quốc gia chính của UNDP là Bộ Tài chính và Bộ KH & ĐT, với sự tham gia tích cực của Viện KHXHVN.

- v) Nâng cao sự hiểu biết để giúp cho phụ nữ được tiếp cận một cách bình đẳng với các cơ hội kinh tế, dịch vụ xã hội và dịch vụ pháp lý. UNDP sẽ tạo điều kiện thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
- Nâng cao chất lượng số liệu và thông tin về giới liên quan đến sự tham gia của phụ nữ vào Ủy ban Nhân dân và Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh/thành, huyện/quận và xã/phường;
  - Đóng góp ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng khuôn khổ pháp luật và chiến lược để tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào Ủy ban Nhân dân và Hội đồng Nhân dân các cấp tỉnh/thành, huyện/quận và xã/phường;
  - Chuẩn bị các báo cáo chuyên đề và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường khả năng của phụ nữ trong việc tiếp cận với các công việc ổn định hơn và có mức thù lao cao hơn, cũng như giảm bớt những bất cập trong phân công lao động giữa nam và nữ trong thị trường lao động hiện nay;
  - Nâng cao chất lượng số liệu và thông tin về khả năng của phụ nữ trong việc tiếp cận với các cơ hội kinh tế, dịch vụ xã hội và dịch vụ pháp lý, chuẩn bị các báo cáo chuyên đề và tiến hành hoạt động tuyên truyền nhằm tăng cường bình đẳng trong lĩnh vực này, đặc biệt quan tâm đến phụ nữ các dân tộc thiểu số và phụ nữ di cư;
  - Hỗ trợ xác định những bất cập về năng lực và cung cấp trợ giúp kỹ thuật cần thiết nhằm tăng cường năng lực quốc gia trong việc xây dựng, thực hiện, theo dõi và đánh giá các chính sách liên quan đến các dân tộc thiểu số nhằm tăng cường sự tiếp cận bình đẳng của phụ nữ các dân tộc thiểu số và phụ nữ di cư với các cơ hội kinh tế, dịch vụ xã hội và dịch vụ pháp lý.

Trong quá trình thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây, sẽ quan tâm khai thác năng lực nghiên cứu tại chỗ của Văn phòng UNDP. Các đối tác quốc gia chính của UNDP là Ủy ban Quốc gia vì sự Tiến bộ của Phụ nữ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Dân tộc và Viện KHXHVN, với sự tham gia tích cực của các viện nghiên cứu và các bộ/ngành khác có liên quan.

- 4.8 Giải pháp mang tính chiến lược nhằm thực hiện 5 kết quả trực tiếp của Chương trình Quốc gia trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo là sử dụng phương pháp tiếp cận theo chương trình trong việc cung cấp sự trợ giúp của UNDP. Cụ thể hơn, sự hỗ trợ của UNDP sẽ được điều chỉnh và góp phần vào việc xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình và kế hoạch của Chính phủ Việt Nam. Sự hỗ trợ đó sẽ do các đối tác quốc gia điều hành và tập trung vào việc tăng cường năng lực của bản thân các đối tác này để họ thực thi có hiệu quả hơn trách nhiệm của mình trong việc xây dựng, quản lý và thực hiện các chính sách, chương trình và kế hoạch quốc gia. Sự hỗ trợ đối với các

chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch quốc gia về an sinh xã hội và luật an sinh xã hội sẽ đáp ứng các ưu tiên của Kế hoạch 5 năm 2006-2010 và góp phần làm cho các cơ chế và thủ tục liên quan trở nên minh bạch hơn, hiệu quả hơn và có sự tham gia rộng rãi hơn. Sự trợ giúp này, cùng với sự hỗ trợ thực hiện Chỉ thị 33 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao chất lượng thu thập, phổ biến và sử dụng thông tin để theo dõi và đánh giá Kế hoạch 5 năm, cũng sẽ góp phần thực hiện các kết quả trong lĩnh vực tăng cường nền quản trị quốc gia theo nguyên tắc dân chủ cũng như tăng cường năng lực quốc gia trong việc điều phối và quản lý có hiệu quả các nguồn lực công (trong đó có ODA) thông qua phương thức hỗ trợ trực tiếp cho ngân sách.

4.9 Khi Việt Nam tham gia vào WTO, Chương trình Quốc gia sẽ góp phần khuyến khích sự phát triển của khu vực tư nhân trong nước thông qua việc cải tiến khuôn khổ quy chế và pháp luật. UNDP sẽ đáp ứng tích cực đề nghị của Chính phủ về việc phối hợp với các đối tác khác để xây dựng chính sách nhằm mang lại lợi ích tối đa và giảm thiểu tác động tiêu cực của việc gia nhập WTO. Hai (2) kết quả trực tiếp chủ yếu của Chương trình Quốc gia sẽ được trình bày chi tiết trong các mục sau đây:

- i) Xây dựng một khuôn khổ quy chế đồng bộ và thuận lợi hơn cho sự phát triển của khu vực doanh nghiệp tư nhân, qua đó khuyến khích đầu tư, tăng cường thương mại và tạo thêm việc làm, đặc biệt là ở các cấp địa phương. UNDP sẽ góp phần thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
  - Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật cho việc khuyến khích đầu tư và phát triển khu vực doanh nghiệp tư nhân, với trọng tâm đặc biệt là góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo;
  - Tăng cường sự hiểu biết của người dân về các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và các hướng dẫn thực hiện các văn bản này;
  - Cải thiện hơn nữa môi trường phát triển khu vực tư nhân ở một số tỉnh được lựa chọn.

Trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây, các đối tác quốc gia chính của UNDP là Bộ Kế hoạch & Đầu tư, với sự tham gia tích cực của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Tổng cục Thống kê, Ủy ban Nhân dân các tỉnh/thành được lựa chọn, và các tổ chức tư nhân có tiềm năng.

- ii) Nâng cao hiểu biết về các thách thức và đề xuất phương án chính sách nhằm đối phó với các tác động về mặt kinh tế và xã hội của quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, cũng như để phân phối một cách bình đẳng hơn những lợi ích thu được từ sự tham gia vào nền kinh tế quốc tế. UNDP sẽ góp phần thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
  - Phân tích các thách thức và vấn đề hiện nay liên quan đến toàn cầu hoá và nỗ lực hội nhập quốc tế của Việt Nam;
  - Tư vấn và nâng cao chất lượng các hoạt động điều tra thị trường lao động, có tính đến tác động tiềm ẩn của quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Trong quá trình thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây, các đối tác quốc gia chính của UNDP là Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội, với sự tham gia tích cực của Tổng cục Thống kê.

4.10 Để thực hiện hai kết quả trực tiếp của Chương trình Quốc gia trong lĩnh vực tham gia WTO và hội nhập quốc tế, UNDP sẽ hợp tác chặt chẽ với các tổ chức trong nước và hỗ trợ họ khai thác tri thức chuyên gia và các trung tâm nghiên cứu quốc tế, phục vụ cho công tác nghiên cứu và phân tích chính sách. Phương pháp tiếp cận chủ yếu sẽ là hỗ trợ tăng cường năng lực quốc gia trong công tác nghiên cứu và phân tích chính sách, ngoài việc

trực tiếp đóng góp ý kiến tư vấn cho quá trình xây dựng chính sách quốc gia trong lĩnh vực gia nhập WTO và hội nhập quốc tế.

4.11 Để tăng cường phát triển mang tính bền vững về môi trường đòi hỏi phải có sự trợ giúp xây dựng chính sách có tính đến nhu cầu bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Sự trợ giúp này cũng góp phần bảo đảm việc ra các quyết định phân bổ, sử dụng và huy động các nguồn lực sẽ được người dân tham gia và có trách nhiệm đối với người dân và các đại diện của họ. Sáu (6) kết quả trực tiếp chủ yếu của Chương trình Quốc gia sẽ được trình bày cụ thể ở các mục sau đây:

- i) Xây dựng các hệ thống và năng lực nhằm tăng cường khả năng giám sát của các cơ quan dân cử cấp trung ương và địa phương đối với việc thực hiện Định hướng Chiến lược Phát triển bền vững, Chiến lược Quốc gia về Bảo vệ môi trường và các chính sách, luật pháp khác về môi trường, trong đó có các dự án đang tiến hành về “Môi trường & Nghèo đói” và “Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam”. Trong tương lai, UNDP sẽ góp phần thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
  - Tăng cường luật pháp và khả năng giám sát của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân ở các tỉnh được lựa chọn nhằm thực thi Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học và thực hiện Định hướng Chiến lược về Phát triển bền vững ở Việt Nam, Chiến lược giảm nhẹ thiên tai và các chiến lược quốc gia liên quan, trong đó có việc nâng cao nhận thức về phát triển bền vững, tăng cường khả năng tiếp cận thông tin/số liệu về môi trường, khuyến khích tham khảo ý kiến giữa các nhóm đối tác và thử nghiệm các cơ chế cho phép người dân giám sát các vấn đề môi trường;
  - Nâng cao năng lực của các cơ quan hữu quan của Đảng trong việc tuyên truyền và bảo đảm các nguyên tắc về phát triển bền vững được lồng ghép vào các chiến lược phát triển chủ yếu của đất nước, trong đó có việc tổ chức tập huấn về chiến lược phát triển bền vững, khuyến khích tranh luận về các vấn đề phát triển bền vững, khuyến khích sử dụng các chỉ số để theo dõi phát triển bền vững, đúc rút và chia sẻ bài học kinh nghiệm về phát triển bền vững; và
  - Đưa vào thực hiện các cơ chế giám sát phát triển bền vững ở cấp trung ương, tỉnh và ngành, và tăng cường năng lực điều phối ở cấp chiến lược, trong đó có hỗ trợ tăng cường năng lực cho việc tổ chức theo dõi và thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam, giám sát việc thực thi nghĩa vụ quốc tế theo các công ước quốc tế về đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và chống sa mạc hoá, hỗ trợ đánh giá môi trường mang tính chiến lược đối với các địa phương và chương trình có ý nghĩa quốc gia hay khu vực, và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu tác động về môi trường của việc gia nhập WTO.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP tham gia thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây là các cơ quan liên quan của Quốc hội và Đảng, Bộ Tài nguyên & Môi trường (Bộ TN & MT), Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Hội đồng Nhân dân ở các tỉnh được lựa chọn, với sự tham gia tích cực của các bộ/ngành khác có liên quan.

- ii) Xây dựng các khuôn khổ pháp luật, chiến lược, chính sách và kế hoạch dài hạn về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường với sự tham gia rộng rãi của người dân và các đối tượng liên quan ở cấp cơ sở, đồng thời phù hợp với các Công ước quốc tế về môi trường, trong đó có các dự án đang thực hiện về “Môi trường & Nghèo đói”, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng về chiếu sáng công cộng và ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bảo tồn đa dạng sinh học biển ở Côn Đảo, bảo tồn đa dạng sinh học vùng ngập nước ở đồng bằng sông Cửu Long và các dự án quy mô nhỏ nhằm bảo vệ rừng nhiệt đới. Sự hỗ trợ trong tương lai của UNDP sẽ góp phần thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
  - Hỗ trợ xác định các ưu tiên chiến lược và xây dựng các công cụ chính sách, luật pháp nhằm khuyến khích bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, hỗ trợ xoá đói giảm nghèo, và nâng cao mức độ bình đẳng, tập trung vào

việc tăng cường năng lực nhằm thực hiện các Công ước Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học và chống sa mạc hoá, hỗ trợ Kế hoạch hành động nhằm thực hiện Công ước Xtốc-Khôm về các chất hữu cơ khó phân hủy (POP) và các công ước khác ở lĩnh vực này, soạn thảo các văn bản pháp quy về an toàn sinh học, nguồn gen;

- Tăng cường chất lượng các kế hoạch và quy chế cấp quốc gia, vùng và tỉnh trong lĩnh vực bảo tồn và hiệu quả sử dụng năng lượng và nâng cao khả năng tiếp cận của người nghèo với các dịch vụ năng lượng hiện đại, tập trung vào việc tăng cường mối liên hệ giữa môi trường và nghèo đói, hiệu quả sử dụng năng lượng ở các khu nhà cao tầng và các tiêu chuẩn về hiệu quả sử dụng năng lượng;
- Tăng cường chất lượng các kế hoạch cấp quốc gia, vùng và tỉnh về bảo tồn sự đa dạng sinh học và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu này, các đối tác quốc gia chính của UNDP là Bộ TN & MT, Bộ NN & PTNT, Ủy ban Nhân dân các tỉnh được lựa chọn, Viện Khoa học & Công nghệ Việt Nam (Viện KHCNVN), và Bộ KH & CN, với sự tham gia tích cực của Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp, Bộ Thủy sản và các tổ chức quần chúng.

iii) Cải tiến các cơ chế và nâng cao năng lực thể chế trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động nhằm bảo đảm các mối quan tâm về môi trường được lồng ghép vào các hoạt động xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế, trong đó có các dự án đang thực hiện về “Môi trường & Nghèo đói”, Côn Đảo, Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam, bảo tồn đa dạng sinh học rừng tại Kon Ka Kinh - Kon Chư Răng, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng về chiếu sáng công cộng và ở các xí nghiệp vừa và nhỏ, và các dự án quy mô nhỏ do GEF tài trợ. Trong tương lai, UNDP sẽ hỗ trợ thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:

- Tăng cường năng lực thể chế trong việc điều phối tài trợ theo phương pháp tiếp cận chương trình về việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, đặc biệt là nhằm góp phần xoá đói giảm nghèo, giúp Bộ TN & MT quản lý hỗ trợ trực tiếp qua ngân sách, xây dựng và quản lý Quỹ Ủy thác về Môi trường & xoá đói giảm nghèo;
- Tăng cường năng lực phân tích các vấn đề về phát triển bền vững và khả năng tổ chức tập huấn của các cơ quan đào tạo chủ yếu trong nước, trong đó có các sáng kiến mới nhằm lồng ghép việc đánh giá môi trường mang tính chiến lược và đánh giá tính bền vững về môi trường vào giáo trình của các tổ chức đào tạo được lựa chọn;
- Tăng cường năng lực lập kế hoạch ở cấp địa phương và cải tiến quy chế của các ngành và địa phương nhằm hỗ trợ phát triển bền vững về môi trường, tập trung vào hỗ trợ mạng lưới quốc gia của các dự án không hoàn lại quy mô nhỏ (SGP), xây dựng và thực hiện các kế hoạch và quy chế cấp cộng đồng, tăng cường năng lực cho các đầu mối về môi trường ở cấp địa phương của một số tỉnh được lựa chọn; và
- Tăng cường năng lực kỹ thuật trong các lĩnh vực ưu tiên nhằm hỗ trợ phát triển bền vững về môi trường, tập trung vào việc tăng cường năng lực và xây dựng cơ chế nhằm tăng cường mối liên hệ giữa năng lượng và nghèo đói, quản lý và loại bỏ các chất POP, chống thoái hoá đất, lập kế hoạch tài chính và quản lý các khu vực bảo tồn có hiệu quả về mặt chi phí.

Trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây, các đối tác quốc gia chính của UNDP là Bộ TN & MT, Bộ NN & PTNT, Bộ GD & ĐT, Bộ KH & CN, Ủy ban Nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên & Môi trường - Sở TN & MT) của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh

Gia Lai, với sự tham gia tích cực của các tỉnh khác có liên quan, các tổ chức quần chúng cấp địa phương và các tổ chức cấp cộng đồng.

iv) Nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận rộng rãi với thông tin về môi trường phục vụ cho hoạt động quan trắc, trong đó có các Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các chỉ số về mối liên hệ giữa môi trường và nghèo đói, trong đó có các dự án đang thực hiện về “Môi trường & Nghèo đói”, Côn Đảo, Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam. Trong tương lai, UNDP sẽ góp phần thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:

- Tăng cường khả năng tiếp cận của công chúng nói chung và cán bộ các cấp nói riêng với thông tin/số liệu về phát triển bền vững và đặc biệt là thông tin/số liệu về môi trường, trong đó có sự trợ giúp nhằm xây dựng chiến lược và các kênh phổ biến thông tin/số liệu về phát triển bền vững và môi trường, in ấn và phổ biến các bài học kinh nghiệm và xây dựng các mô hình thí điểm thành các tài liệu phổ biến thân thiện với người sử dụng;
- Xây dựng các chỉ số phát triển bền vững trong hệ thống quốc gia nhằm theo dõi tăng trưởng kinh tế, xoá đói giảm nghèo và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, theo dõi và giám sát về phát triển bền vững nói chung, tập trung vào việc hỗ trợ nghiên cứu về các vấn đề phát triển bền vững và phổ biến kết quả cho công chúng, tăng cường khả năng sử dụng thông tin/số liệu của các nhóm đối tác quốc gia chủ yếu;
- Tăng cường năng lực thể chế để quan trắc và báo cáo các chỉ số và kết quả phát triển bền vững về môi trường, trong đó có hỗ trợ tăng cường năng lực để giám sát các chỉ số chủ yếu ở một số ngành và tỉnh, khả năng làm báo cáo của một số sở và của một số tổ chức phi chính phủ trong nước.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu này là Bộ TN & MT, Bộ NN & PTNT và Tổng cục thống kê, với sự tham gia tích cực của Viện KHXHVN, Viện KH & CNVN, Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan của Quốc hội và Đảng, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân (thông qua Sở TN & MT) của các tỉnh được lựa chọn, các cơ quan thông tin đại chúng trong nước và các tổ chức quần chúng.

v) Hỗ trợ các sáng kiến ở cấp cơ sở nhằm khuyến khích áp dụng phương thức sử dụng các nguồn năng lượng với hiệu suất cao, bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong đó có các dự án đang thực hiện về “Môi trường & Nghèo đói”, Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam, Côn Đảo, Kon Ka Kinh - Kon Chu Răng, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng về chiếu sáng công cộng và ở các xí nghiệp vừa và nhỏ, và các dự án quy mô nhỏ do GEF tài trợ. Trong tương lai, UNDP sẽ hỗ trợ thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu dưới đây:

- Hệ thống hoá các bài học kinh nghiệm và mô hình thành công ở cấp cơ sở trong việc sử dụng năng lượng với hiệu suất cao, bảo vệ môi trường và quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, và nhân rộng các bài học/mô hình này với sự tham gia rộng rãi của các tổ chức quần chúng, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức cộng đồng, trong đó có đúc rút và phổ biến bài học từ các dự án đang thực hiện cũng như xác định ý tưởng dự án để giải quyết tình trạng thoái hóa đất đai, hệ thống hoá và nhân rộng bài học về mối liên hệ giữa năng lượng và nghèo đói ở một số tỉnh, xây dựng tài liệu hướng dẫn về việc thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam, và lồng ghép các vấn đề về phát triển bền vững vào các chiến lược và kế hoạch về môi trường, xã hội và kinh tế;
- Tăng cường công tác quản lý các khu bảo tồn ở Việt Nam thông qua các dự án mới thực hiện thí điểm việc tài trợ cho các khu bảo tồn, thiết kế các hoạt động nhằm triển khai các kết quả nghiên cứu chính sách từ dự án PARC, xây dựng cơ chế tài trợ và tăng cường năng lực của chính quyền và cộng đồng địa phương trong việc tiếp cận nguồn gen;

- Nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng trong khu vực công cộng và các doanh nghiệp vừa & nhỏ và tăng cường khả năng tiếp cận của người nghèo với năng lượng sạch, rẻ tiền, cũng như xác định các ý tưởng dự án mới về nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng ở các khu nhà cao tầng thương mại và dân sinh, và hỗ trợ các sáng kiến cấp cộng đồng về sử dụng năng lượng với hiệu suất cao.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây là Bộ TN & MT, Bộ NN & PTNT, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Gia Lai và một số doanh nghiệp vừa & nhỏ được lựa chọn, với sự tham gia tích cực của Bộ KH & ĐT, Bộ Công nghiệp, Viện KH & CNVN, Bộ KH & CN, và các cơ quan chính quyền và tổ chức quản chúng ở cấp địa phương.

- vi) Tăng cường sử dụng các công cụ kinh tế cho việc quản lý môi trường, trong đó có hạch toán môi trường, thuế “xanh” và cải tiến chế độ cấp phép và thu phí, trong đó có dự án “Môi trường & Nghèo đói” đang được thực hiện. Trong tương lai, UNDP sẽ góp phần thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
- Tăng cường năng lực Chính phủ trong việc xây dựng và sử dụng các công cụ kinh tế và thống kê cho việc xây dựng chính sách phát triển bền vững về môi trường, trong đó có các dự án mới nhằm nâng cao khả năng định giá các nguồn tài nguyên môi trường, thực hiện thí điểm công tác hạch toán môi trường đối với tài nguyên rừng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, thiết kế chương trình tập huấn về hạch toán môi trường dựa vào bài học từ công tác thí điểm nêu trên, rà soát và điều chỉnh hệ thống thuế phục vụ quản lý môi trường, và áp dụng các loại phí môi trường;
  - Nâng cao năng lực của Chính phủ trong việc kiểm điểm chi tiêu công cộng cho công tác bảo vệ môi trường nhằm hỗ trợ công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính, với mục tiêu dành 1% tổng chi ngân sách Nhà nước cho công tác bảo vệ môi trường, trong đó có việc hỗ trợ kiểm điểm chi tiêu công cộng cho bảo vệ môi trường, lập kế hoạch sử dụng 1% ngân sách Nhà nước cho bảo vệ môi trường; và
  - Tăng thêm nguồn tài trợ cho công tác quản lý các khu bảo tồn của Việt Nam, trong đó có việc xây dựng năng lực và cơ chế tài trợ công tác này.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây là Bộ TN & MT, Bộ Tài chính, Bộ NN & PTNT và Tổng cục Thống kê, với sự tham gia tích cực của Bộ KH & ĐT, Viện Quản lý kinh tế Trung ương (Viện QLKTƯ), Quốc hội và Ủy ban Nhân dân của một số tỉnh được lựa chọn.

- 4.12 Để thực hiện sáu kết quả trực tiếp của Chương trình Quốc gia trong lĩnh vực phát triển bền vững, UNDP sẽ hợp tác chặt chẽ với các cơ quan điều hành quốc gia và các cơ quan đối tác khác, trong đó có khu vực tư nhân. Cụ thể là, UNDP sẽ hỗ trợ Bộ TN & MT và các cơ quan chủ quản khác trong việc xây dựng chiến lược và luật pháp. UNDP sẽ góp phần xây dựng năng lực của các cơ quan liên quan của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, đặc biệt là năng lực của những đại biểu tham gia vào công tác phát triển bền vững về môi trường. UNDP cũng sẽ hỗ trợ tích cực cho Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững, các tổ công tác và các ban chủ yếu và các đầu mối để điều phối và báo cáo về các Hiệp định đa phương về môi trường. Đồng thời, khu vực tư nhân sẽ được huy động tham gia thông qua quan hệ đối tác với khu vực công cộng, nhất là trong lĩnh vực năng lượng và các chất POP. Sự hỗ trợ đối với các sáng kiến ở cấp địa phương sẽ được cung cấp trực tiếp qua các dự án quy mô nhỏ của GEF/SG và gián tiếp thông qua các Bộ và Ủy ban Nhân dân của các tỉnh được lựa chọn. Sự hỗ trợ này sẽ tiếp tục đa dạng về mặt nội dung và bao hàm các hoạt động liên quan đến đa dạng sinh học, lâm nghiệp và quản lý bền vững đất đai. Cuối cùng, các tổ chức nghiên cứu và đào tạo sẽ được huy động tham gia đúc rút bài học kinh nghiệm, đề xuất các ý tưởng mang tính sáng tạo và xây dựng năng lực ở các cấp.

Về phía quốc tế, UNDP sẽ đóng vai trò tích cực trong các nhóm đối tác chung giữa Chính phủ và cộng đồng tài trợ nhằm tạo thuận lợi cho công tác điều phối, đối thoại chính sách và xây dựng các phương thức viện trợ hài hoà. Các đối tác chính là Nhóm Hỗ trợ quốc tế về Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Nhóm Hỗ trợ quốc tế về Tài nguyên & Môi trường.

4.13 Việt Nam là nước thường xuyên bị thiên tai. Sự hỗ trợ của UNDP sẽ góp phần bảo đảm cho Việt Nam có đủ năng lực giảm thiểu rủi ro và đối phó có hiệu quả với thiên tai, đặc biệt là trong các nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất. Ba (3) kết quả trực tiếp quan trọng nhất của Chương trình Quốc gia được trình bày chi tiết ở các mục sau đây:

- i) Xây dựng, thông qua và lồng ghép các chiến lược và chính sách quốc gia về giảm nhẹ thiên tai có hiệu quả vào các chiến lược và kế hoạch kinh tế - xã hội cấp ngành và cấp quốc gia, trong đó có dự án đang thực hiện về “Tăng cường năng lực giảm nhẹ thiên tai”. Sự trợ giúp trong tương lai của UNDP sẽ tập trung hỗ trợ việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
  - Hỗ trợ lồng ghép Chiến lược Quốc gia thứ hai về Giảm nhẹ thiên tai vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp quốc gia và địa phương, trong đó có hỗ trợ phổ biến Chiến lược, nâng cao nhận thức và lồng ghép các yếu tố chủ yếu của Chiến lược vào các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh;
  - Dự thảo Luật Quản lý đê điều và Luật Giảm nhẹ thiên tai để trình Quốc hội phê duyệt và soạn thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện hai Luật này;
  - Hỗ trợ thiết kế Quỹ Tự lực giảm nhẹ thiên tai, góp phần huy động nguồn lực và tăng cường năng lực quản lý Quỹ;
  - Góp phần bảo đảm Thông cáo số 2 của Việt Nam về Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu phản ánh các ưu tiên trong việc tăng cường năng lực quốc gia thích ứng với hiện tượng biến đổi khí hậu, trong đó có hỗ trợ xây dựng kế hoạch hành động quốc gia nhằm thích ứng với hiện tượng biến đổi khí hậu.

Trong quá trình thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây, các đối tác quốc gia chính của UNDP là Bộ NN & PTNT, Ban Phòng chống lụt bão Trung ương, Bộ TN & MT, Ủy ban Khoa học, Công nghệ & Môi trường (Ủy ban KHCN & MT) của Quốc hội, với sự tham gia tích cực của Ủy ban Nhân dân (thông qua Sở Kế hoạch & Đầu tư - Sở KH & ĐT) của các tỉnh được lựa chọn, Bộ Tài chính, Bảo Việt và Hội Chữ thập đỏ Việt Nam ở các cấp.

- ii) Tăng cường năng lực quản lý rủi ro thiên tai của chính quyền các địa phương, các tổ chức xã hội, các cộng đồng và người dân để giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai về mặt xã hội, kinh tế và môi trường, đặc biệt là ở các tỉnh có mức độ rủi ro đang gia tăng do hiện tượng biến đổi khí hậu, trong đó có dự án “Tăng cường năng lực giảm nhẹ thiên tai” đang được thực hiện. UNDP sẽ góp phần thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
  - Tăng cường năng lực và phương tiện đào tạo/tập huấn về quản lý rủi ro thiên tai cho các cán bộ quản lý, chính quyền địa phương được lựa chọn và các cộng đồng dễ bị rủi ro, tập trung tăng cường năng lực thể chế của các cơ sở đào tạo được lựa chọn, xây dựng giáo trình tập huấn cho công tác quản lý rủi ro ở cấp cộng đồng và tổ chức đào tạo cho cán bộ tập huấn ở cấp trung ương và cấp địa phương; và
  - Tăng cường năng lực quản lý rủi ro thiên tai của các tỉnh, huyện và cộng đồng được lựa chọn, hay bị bão, lụt và hạn hán, thông qua việc tập huấn cho các cán bộ chủ chốt và các phương thức tiếp cận mang tính sáng tạo, trong đó có các biện pháp giảm nhẹ hậu quả thiên tai và tập trung xây dựng khả năng thích ứng.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP tham gia thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây là Ban Phòng chống lụt bão của các tỉnh có liên quan, các tổ chức quần chúng và các tổ chức phi chính phủ cấp địa phương.

- iii) Nâng cao năng lực thể chế của các cơ quan quốc gia và tổ chức cộng đồng để có thể cảnh báo sớm thiên tai có hiệu quả, phối hợp tốt với các tổ chức quốc tế và đúc rút bài học kinh nghiệm từ công tác giảm thiểu hậu quả thiên tai, trong đó có các dự án đang thực hiện về “Tăng cường năng lực giảm nhẹ thiên tai” và “Trung tâm quản lý thiên tai”. UNDP sẽ tạo điều kiện thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
- Tăng cường năng lực thể chế điều phối các hoạt động trong nước và quốc tế trong công tác quản lý rủi ro thiên tai, trong đó có hỗ trợ xây dựng thể chế để điều phối công tác quản lý rủi ro thiên tai và công tác theo dõi, đánh giá nói chung trong bối cảnh nguồn đóng góp tài chính cho lĩnh vực này ngày càng gia tăng;
  - Tăng cường năng lực các cấp trong công tác đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra và nhu cầu cứu trợ và phổ biến thông tin/số liệu, trong đó có hỗ trợ trong việc xây dựng hệ thống thông tin/số liệu và tập huấn cho cán bộ địa phương và những người cung cấp thông tin chủ yếu;
  - Tăng cường năng lực phân tích thông tin/số liệu và nghiên cứu về giảm thiểu rủi ro nhằm hỗ trợ công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có hỗ trợ nâng cao năng lực phân tích của các sở và tổ chức nghiên cứu được lựa chọn, nghiên cứu mối liên hệ giữa giảm thiểu rủi ro thiên tai và giảm nghèo, khuyến khích sử dụng dữ liệu thủy văn và các nguồn thông tin khác; và
  - Tăng cường năng lực thể chế về cảnh báo sớm thiên tai, trong đó có hỗ trợ xây dựng các hệ thống cảnh báo sớm ở trung ương và địa phương, tăng cường mối quan hệ với các hệ thống cảnh báo sớm quốc tế về sóng thần và các loại hình thiên tai cần được ưu tiên quan tâm, nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận với các cơ sở dữ liệu thủy văn.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP tham gia thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây là Bộ NN & PTNT, Ban Phòng chống lụt bão Trung ương, Tổng cục Thống kê, Bộ KH & ĐT, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các cơ quan nghiên cứu có liên quan.

- 4.14 Ba kết quả trực tiếp của Chương trình Quốc gia về giảm nhẹ rủi ro thiên tai sẽ được thực hiện thông qua quan hệ đối tác chặt chẽ với các bộ chủ quản ở cấp trung ương và các sở chuyên ngành ở cấp tỉnh/thành cũng như với các tổ chức xã hội, các cộng đồng địa phương. UNDP sẽ hỗ trợ Ban phòng chống lụt bão trung ương và Ban phòng chống lụt bão ở các địa phương xây dựng chiến lược, và hỗ trợ Bộ NN & PTNT xây dựng luật pháp, cũng như sẽ góp phần tăng cường năng lực cho các cán bộ chủ chốt của Ban phòng chống lụt bão địa phương. Sự hỗ trợ cho các sáng kiến cấp cộng đồng sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp tác với Ban phòng chống lụt bão địa phương và các Sở NN & PTNT cũng như với các tổ chức xã hội như Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Đồng thời, UNDP sẽ tiếp tục hợp tác với các tổ chức khác thuộc Liên Hợp Quốc, Bộ NN & PTNT, Bộ Y tế và các đối tác khác để hỗ trợ tăng cường năng lực chuẩn bị và đối phó có hiệu quả với dịch cúm gia cầm và các nguy cơ tương tự về y tế cộng đồng. UNDP cũng sẽ hỗ trợ tăng cường năng lực quốc gia ở các cấp thông qua xây dựng quan hệ đối tác với các tổ chức nghiên cứu và đào tạo.

Về phía quốc tế, UNDP sẽ đóng vai trò tích cực ở Nhóm Công tác Phòng chống thiên tai cũng như Nhóm Đối tác Giảm nhẹ thiên tai, góp phần tăng cường công tác điều phối nhằm chuẩn bị tốt hơn các biện pháp dự phòng và đối phó, tổ chức đối thoại chính sách và đúc rút bài học kinh nghiệm tốt. Là một phần trong chức năng của mình, cả Nhóm Công tác và Nhóm Đối tác đều huy động một cách có hệ thống sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ quốc tế và các tổ chức xã hội trong nước vào các hoạt động của mình.

## **B. Tăng cường quản trị quốc gia theo nguyên tắc dân chủ**

- 4.15 Sự trợ giúp của UNDP cho việc tăng cường công tác quản trị quốc gia theo nguyên tắc dân chủ sẽ góp phần thực hiện *Mục tiêu 3 của UNDAF*. Mục tiêu chính của Chương trình



Quốc gia là góp phần xây dựng một hệ thống quản trị quốc gia dựa trên các nguyên tắc cơ bản, đó là trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, sự tham gia của người dân và sự công bằng (trong đó có bình đẳng giới), cũng như phù hợp với nền dân chủ và nhà nước pháp quyền.

4.16 Sự trợ giúp của UNDP ở lĩnh vực tăng cường công tác quản trị quốc gia theo nguyên tắc dân chủ sẽ góp phần đạt được sáu (6) kết quả trực tiếp quan trọng được trình bày cụ thể hơn trong các mục sau đây:

i) Thực hiện hiệu quả hơn giai đoạn 2 của Chương trình Tổng thể về Cải cách hành chính (CCHC) cũng như tiếp tục thử nghiệm và nhân rộng các sáng kiến cải cách hành chính ở cấp địa phương, trong đó có các dự án đang tiến hành nhằm hỗ trợ thực hiện Chương trình Tổng thể về CCHC, CCHC tại Thành phố Hồ Chí Minh và CCHC tại Bộ NN & PTNT. Trong tương lai, UNDP sẽ tập trung hỗ trợ thực hiện các giải pháp động chủ yếu sau đây:

- Tăng cường năng lực lập kế hoạch, chỉ đạo và quản lý chung đối với công tác CCHC, tập trung vào việc (a) tăng cường đối thoại chính sách, (b) tăng cường sự phối hợp theo chiều ngang, (c) hỗ trợ lập kế hoạch huy động/sử dụng nguồn lực và điều phối tài trợ, (d) xây dựng hệ thống quản lý hiệu quả hoạt động mang tính chiến lược, và (e) thể chế hoá các cơ chế rút kinh nghiệm và phổ biến bài học thành công.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ chế cung cấp dịch vụ công theo hướng đáp ứng nhu cầu ở cấp cơ sở, tập trung vào việc (a) xây dựng các khuôn khổ về trách nhiệm giải trình, (b) thí điểm các công cụ mới về quản trị điện tử, kể cả các trung tâm thông tin điện tử nông thôn, (c) thăm dò các cơ hội xây dựng quan hệ đối tác giữa khu vực công cộng và tư nhân, và (d) tăng cường khuôn khổ pháp luật và năng lực ở cấp địa phương để bảo đảm hiệu lực của quá trình phân cấp quản lý.
- Ứng dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng hoạt động mang tính chiến lược và các tiêu chuẩn chất lượng ở các bộ, ngành và tỉnh/thành được lựa chọn, tập trung vào việc (a) mở rộng quy mô áp dụng các tiêu chuẩn ISO ở chính quyền cấp tỉnh, (b) xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng của mô hình “một cửa, một dấu”, (c) thí điểm và nhân rộng các kênh tiếp thu ý kiến phản hồi, đóng góp của người dân, và (d) khuyến khích việc áp dụng các biện pháp khác nhằm đơn giản hoá các thủ tục hành chính một cách có hệ thống.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong việc thực hiện các nhóm hành động chủ yếu trên đây là Ban Chỉ đạo CCHC, Bộ Nội vụ, Bộ NN & PTNT và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, với sự tham gia tích cực của các Bộ, ngành có liên quan (trong đó có Văn phòng Chính phủ) và Ủy ban Nhân dân các tỉnh được lựa chọn.

ii) Tăng cường cơ chế của các cơ quan chính quyền địa phương để thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm được giao phó cho họ trong quá trình phân cấp quản lý. UNDP sẽ tập trung hỗ trợ thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:

- Tăng cường năng lực lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng ngân sách và quản lý nguồn lực công ở các tỉnh được lựa chọn;
- Tăng cường các cơ chế giám sát, trách nhiệm giải trình và theo dõi/đánh giá (đối với công tác lập kế hoạch, xây dựng ngân sách và quản lý nguồn lực công) ở các tỉnh được lựa chọn;
- Góp phần bảo đảm cho các dự án đầu tư ở cấp huyện và xã thuộc các tỉnh được lựa chọn mang tính minh bạch và hiệu quả cao hơn;
- Góp phần bảo đảm các bài học và tri thức rút ra từ các hoạt động thí điểm được xem xét trong quá trình xây dựng chính sách ở cấp trung ương và được chia sẻ với các tỉnh khác.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong quá trình thực hiện các nhóm giải pháp chính đã được Chính phủ phê duyệt này là Bộ KH & ĐT, Bộ Tài chính, Bộ LĐTB & XH, Bộ Nội vụ và Ủy ban Nhân dân của các tỉnh thí điểm.

iii) Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các giải pháp toàn diện nhằm hỗ trợ cho việc cải cách hệ thống pháp luật và tư pháp, trong đó có chương trình đang tiến hành nhằm hỗ trợ thực hiện “Chiến lược Phát triển hệ thống pháp luật đến năm 2010 và Định hướng đến năm 2020” và “Chiến lược Cải cách tư pháp”. Trong tương lai, UNDP sẽ UNDP sẽ tạo điều kiện thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:

- Tăng cường công tác lập kế hoạch, chỉ đạo và quản lý chung đối với việc thực hiện Chiến lược phát triển hệ thống pháp luật và Chiến lược Cải cách tư pháp, tập trung vào việc (a) tăng cường đối thoại chính sách về cải cách pháp luật và tư pháp, (b) tăng cường sự phối hợp theo chiều ngang, (c) hỗ trợ công tác quy hoạch huy động/sử dụng nguồn lực, (d) xây dựng hệ thống quản lý chiến lược, và (e) thể chế hoá các cơ chế rút kinh nghiệm và phổ biến bài học thành công.
- Thực hiện có hiệu lực và hiệu quả các hợp phần chính của Chiến lược Phát triển hệ thống pháp luật và Chiến lược Cải cách tư pháp, bao gồm cả việc sử dụng Quỹ Phát triển hệ thống pháp luật và tập trung vào việc (a) tăng cường khả năng soạn thảo, nghiên cứu, rà soát và thẩm định các văn bản pháp luật, ưu tiên các lĩnh vực pháp luật về tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống chính trị, về quyền tự do, dân chủ của công dân, về dân sự, kinh tế - thương mại, và pháp luật về hội nhập quốc tế, (b) thúc đẩy cải cách tư pháp hình sự và thủ tục tư pháp, và (c) tăng cường năng lực thực hiện và thực thi luật pháp.
- Tăng cường năng lực quốc gia nhằm thúc đẩy việc xây dựng nhà nước pháp quyền và tăng cường khả năng tiếp cận công lý ở các cấp địa phương, tập trung vào việc (a) tăng cường các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án ở cấp địa phương, (b) tăng cường giáo dục và tuyên truyền pháp luật, (c) tăng cường các cơ chế trợ giúp pháp lý, và (d) tăng cường năng lực thực thi luật pháp.
- Tăng cường năng lực ở trung ương và địa phương nhằm thực hiện các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã phê chuẩn, tập trung vào việc (a) nâng cao nhận thức và hiểu biết chung về các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã phê chuẩn và các nghĩa vụ báo cáo liên quan, (b) đánh giá việc chuyển hóa quy định của các công ước quốc tế về quyền con người vào pháp luật quốc gia, và (c) đáp ứng nhu cầu tăng cường năng lực nhằm thực hiện các nghĩa vụ báo cáo.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây là Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Hội Luật gia Việt Nam, với sự tham gia tích cực của Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Văn phòng Chính phủ và Ủy ban Nhân dân của các tỉnh được lựa chọn.

iv) Chia sẻ các kinh nghiệm mang tính so sánh và xây dựng mạng lưới thông tin, tri thức nhằm cải tiến cách thức hoạt động của Quốc hội, và tăng cường năng lực cho các đại biểu (đặc biệt là các đại biểu mới và đại biểu nữ) và cán bộ/nhân viên của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân ở một số tỉnh thí điểm, trong đó có các dự án đang triển khai nhằm tăng cường năng lực cho Văn phòng Quốc hội và Ủy ban Ngân sách & Kinh tế của Quốc hội. Trong tương lai, UNDP sẽ hỗ trợ thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:

- Tăng cường các cơ hội tập huấn và học tập nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của các đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân, tập trung vào việc (a) đưa vào vận hành trung tâm tri thức tại Văn phòng Quốc hội, (b) xây dựng các kế hoạch và giáo trình tập huấn, (c) tổ chức tập huấn về vai trò và nghĩa vụ của các đại biểu, và (d) nâng

cao nhận thức của các đại biểu về một số vấn đề quan trọng có tính liên ngành, như bình đẳng giới, các dân tộc thiểu số, các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, chống tham nhũng.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, thẩm định các văn bản pháp luật và giám sát có hiệu quả của các Ủy ban có liên quan của Quốc hội, tập trung vào việc (a) xây dựng các khuôn khổ và giải pháp chiến lược nhằm tăng cường chức năng lập pháp và giám sát, (b) tăng cường sự tham gia và ảnh hưởng của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân trong tất cả các công đoạn của quy trình ngân sách nhằm bảo đảm giám sát ngân sách có hiệu quả, và (c) cung cấp trợ giúp kỹ thuật cho việc rà soát và thẩm định các văn bản pháp luật quan trọng liên quan đến hoạt động phát triển được đệ trình lên Quốc hội xem xét.
- Thiết lập cơ chế đối tác nhằm tăng cường đối thoại chính sách và điều phối tài trợ cho Quốc hội, tập trung vào (a) hài hòa và đơn giản hóa các dự án tài trợ cho Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các địa phương, (b) tổ chức các cuộc đối thoại chính sách, kể cả về quy trình và thủ tục làm việc của Quốc hội, và (c) xây dựng thêm các công cụ trao đổi và phổ biến thông tin.
- Tăng cường năng lực của Hội đồng Nhân dân trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao phó trong quá trình phân cấp quản lý, tập trung vào việc (a) nâng cao nhận thức về các luật đã được thông qua, (b) tổ chức đánh giá nhu cầu về năng lực, và (c) tổ chức các khóa tập huấn ngắn ngày, phù hợp với nhu cầu cụ thể.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây là Văn phòng Quốc hội, Ủy ban Ngân sách và Kinh tế của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân ở các tỉnh được lựa chọn, với sự tham gia tích cực của các Ủy ban có liên quan khác của Quốc hội.

- v) Tăng cường năng lực quốc gia và các cơ chế pháp luật/thể chế nhằm hỗ trợ thực hiện Công ước của Liên Hợp Quốc về Chống tham nhũng và Luật Phòng chống tham nhũng vừa được Quốc hội thông qua. UNDP sẽ hỗ trợ việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
- Xây dựng hệ thống quốc gia để theo dõi có hiệu quả và với sự tham gia rộng rãi, việc thực hiện Công ước của Liên Hợp Quốc về Chống tham nhũng;
  - Nâng cao nhận thức của công chúng về tình trạng tham nhũng và khuôn khổ pháp lý và thể chế phục vụ cho việc chống tham nhũng, cũng như tăng cường sự tham gia của người dân vào các hoạt động phòng chống tham nhũng;
  - Tăng cường năng lực của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống tham nhũng và các cơ quan chủ yếu của Chính phủ trong việc quản lý, chỉ đạo và phối hợp việc thực hiện các hoạt động Luật Phòng chống tham nhũng; và
  - Thiết kế và thực hiện các chương trình/dự án thí điểm về chống tham nhũng mang tính chiến lược ở cấp cơ sở.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây là Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống tham nhũng và Tổng Thanh tra Chính phủ, với sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và thanh tra của các tỉnh được lựa chọn.

- vi) Nâng cao năng lực và cơ chế của các hiệp hội, tổ chức và các thực thể khác ngoài khu vực nhà nước ở cấp cơ sở để họ có thể tích cực tham gia, giám sát và đóng góp vào quá trình cải cách. UNDP sẽ tạo điều kiện thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
- Tạo dựng một môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho sự phát triển xã hội dân sự, tập trung hỗ trợ việc nghiên cứu, soạn thảo Luật về Hiệp hội;

- Tăng cường tập huấn/đào tạo, nghiên cứu và huy động nguồn lực cho các hiệp hội, tổ chức và các thực thể ngoài khu vực nhà nước ở cấp địa phương, tập trung xây dựng và đưa vào vận hành một trung tâm tư liệu/nghiên cứu tại Liên hiệp các hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam nhằm góp phần tăng cường năng lực của các tổ chức thành viên;
- Tăng cường năng lực của một số tổ chức lớn để họ có thể tích cực tham gia vào quá trình xây dựng chính sách và luật pháp về phát triển xã hội dân sự và đại diện cho các tổ chức thành viên, tập trung vào việc tăng cường năng lực xây dựng mạng lưới và rà soát chính sách/luật pháp của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Hội Luật gia Việt Nam.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu trên đây là Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam và Hội Luật gia Việt Nam, với sự tham gia tích cực của các tổ chức thành viên và Bộ Nội vụ.

- 4.17 Trong quá trình thực hiện sáu kết quả trực tiếp của Chương trình Quốc gia thuộc lĩnh vực tăng cường quản trị quốc gia theo nguyên tắc dân chủ, sự hỗ trợ của UNDP sẽ gắn kết chặt chẽ với các vấn đề liên quan đến xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững, và sẽ ngày càng sử dụng nhiều hơn phương pháp tiếp cận theo chương trình trên những lĩnh vực mà ở đó UNDP đang và có tiềm năng đóng vai trò điều phối chính giữa các nhà tài trợ (ví dụ các lĩnh vực CCHC, cải cách luật pháp và tư pháp, và tăng cường năng lực của Quốc hội). Do những cải cách trong toàn bộ lĩnh vực quản trị quốc gia sẽ đi vào chiều sâu trong những năm tới đây, nên trọng tâm của UNDP sẽ chuyển dần từ việc xây dựng sang việc thực hiện luật pháp và chính sách. Tuy nhiên, để tiếp tục giữ được vị trí chiến lược và tính sáng tạo trong sự trợ giúp của mình, UNDP cần đóng vai trò xúc tác hoặc đi tiên phong cũng như tranh thủ cơ hội để mở rộng những lĩnh vực mới nhằm thu hút sự tham gia của các nhà tài trợ. Do đó, sự trợ giúp của UNDP cho các sáng kiến mới cũng như cho hoạt động nghiên cứu và tuyên truyền vận động sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng đối với các dự án trong lĩnh vực quản trị quốc gia theo nguyên tắc dân chủ. Theo phương pháp tiếp cận này, UNDP sẽ cố gắng mở rộng quan hệ đối tác của mình, chủ yếu bằng cách hợp tác với các cơ quan và tổ chức Việt Nam ở các cấp địa phương, làm sâu sắc thêm sự tham gia của các nhà tài trợ hiện nay, cũng như huy động sự tham gia của các nhà tài trợ mới.

### **C. Phòng chống sự lan truyền HIV/AIDS**

- 4.18 Sự trợ giúp của UNDP sẽ góp phần thực hiện Chương trình Quốc gia Phòng chống HIV/AIDS. Sự trợ giúp này nhằm thực hiện *Mục tiêu 3 của UNDAF*, thông qua đóng góp ý kiến tư vấn cho Đảng, Quốc hội và Chính phủ để xây dựng các biện pháp ứng phó thích hợp. Mục tiêu chủ yếu của Chương trình Quốc gia là xây dựng và triển khai thực hiện các luật pháp, chính sách ở cấp quốc gia và địa phương nhằm chặn đứng sự lan truyền của HIV/AIDS và giảm thiểu tác động tiêu cực đối với những người chung sống với HIV/AIDS. Để góp phần thực hiện mục tiêu này, ba (3) kết quả trực tiếp chủ yếu của Chương trình Quốc gia sẽ được trình bày chi tiết hơn trong các mục sau đây:
- Cải tiến khuôn khổ pháp lý và chính sách gắn với phương thức tiếp cận đa ngành, nhạy cảm về giới, không kỳ thị và không phân biệt đối xử trong công tác phòng chống HIV/AIDS. Sẽ khuyến khích việc sử dụng nguyên tắc “ba chung” trong các nỗ lực phòng chống HIV/AIDS<sup>12</sup>. UNDP sẽ góp phần thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
    - Nâng cao năng lực của các ban hữu quan của Đảng ở các cấp trong việc soạn thảo, ban hành, chỉ đạo, theo dõi, tổ chức và giám sát việc thực hiện Chỉ thị, Nghị

<sup>12</sup> Nguyên tắc “ba chung” là chung một Khuôn khổ hành động, chung một Cơ quan điều phối quốc gia, và chung một Hệ thống theo dõi & đánh giá HIV/AIDS ở cấp quốc gia.

quyết và chính sách mới liên quan đến công tác phòng chống HIV/AIDS, nhằm tạo dựng môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các giải pháp mang tính tổng hợp được xác định trong Chiến lược Quốc gia Phòng chống HIV/AIDS;

- Tăng cường sự tham gia của các cơ quan dân cử các cấp trong các hoạt động nâng cao nhận thức về phòng chống HIV/AIDS, cũng như các chính sách, luật pháp liên quan;
- Tăng cường năng lực của Quốc hội và các cơ quan dân cử các cấp trong việc xây dựng và phổ biến các nghị quyết và luật pháp, hướng tới xây dựng và thông qua Luật Phòng chống HIV/AIDS, cùng với các văn bản hướng dẫn thực thi Luật này;
- Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật nhằm (a) nâng cao chất lượng và tính kịp thời của công tác thu thập, phân tích số liệu về các nguồn lực của quốc gia và nguồn vốn ODA, và (b) tăng cường năng lực quốc gia trong công tác theo dõi, đánh giá tính hiệu quả và tác động của việc sử dụng các nguồn lực đó cho công tác phòng chống HIV/AIDS;
- Hỗ trợ thiết lập và vận hành các cơ chế quản lý và điều phối Chương trình Quốc gia Phòng chống HIV/AIDS do Chính phủ đóng vai trò chủ đạo, trong đó có cơ chế phối hợp giữa Chính phủ và cộng đồng tài trợ; và
- Tăng cường năng lực ở các cấp trong việc (a) xây dựng các biện pháp can thiệp và kế hoạch hành động phòng chống HIV/AIDS làm khuôn khổ chung cho việc điều phối nỗ lực của các nhóm đối tác theo phương thức tiếp cận đa ngành và (b) thực hiện các sáng kiến mang tính thí điểm.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu đã được Chính phủ phê duyệt này là Ban Khoa giáo và Ban Tư tưởng & Văn hóa Trung ương (Ban TTVHTU), Ủy ban các Vấn đề xã hội của Quốc hội, và các cơ quan dân cử ở các tỉnh được lựa chọn, với sự tham gia tích cực của Bộ Y tế, Bộ KH & ĐT, và Bộ Tài chính.

- ii) Lồng ghép các vấn đề về HIV/AIDS vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và áp dụng phương thức tiếp cận mới trong công tác phòng chống HIV/AIDS ở các tỉnh thí điểm. UNDP sẽ hỗ trợ việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong việc phối hợp liên ngành và lồng ghép công tác phòng chống HIV/AIDS vào các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, ban, ngành và tổ chức quần chúng; và
  - Tăng cường năng lực của các cơ quan hữu quan Quốc hội và các cơ quan dân cử các cấp trong việc (a) giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chính sách và luật pháp về phòng chống HIV/AIDS, (b) lồng ghép công tác phòng chống HIV/AIDS vào các chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp trung ương và địa phương, và (c) tăng cường vận động sự ủng hộ, tham gia của xã hội đối với công tác phòng chống HIV/AIDS.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP tham gia thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu đã được Chính phủ phê duyệt này là Ban Khoa giáo, Ban TTVHTU và các cơ quan trực thuộc cấp cơ sở, Ủy ban các Vấn đề xã hội của Quốc hội và các cơ quan dân cử ở các tỉnh được lựa chọn.

- iii) Giảm thiểu sự kỳ thị và phân biệt đối xử với những người chung sống với và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS thông qua việc tăng cường công tác thông tin, truyền thông và giáo dục về HIV/AIDS. UNDP sẽ hỗ trợ thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:
- Thiết kế và thực hiện các văn bản hướng dẫn và kế hoạch nhằm đổi mới các hoạt động thông tin, truyền thông và giáo dục về thay đổi hành vi trong phòng chống HIV/AIDS ở các ban, ngành và tổ chức cấp trung ương, theo tinh thần đổi mới và phối hợp liên ngành;

- Biên soạn, thiết kế và ấn hành các chương trình, giáo trình tập huấn/đào tạo về công tác chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện phương thức tiếp cận mới trong công tác thông tin, truyền thông và giáo dục về thay đổi hành vi; và
- Tổ chức tập huấn/đào tạo nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng trong công tác chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin, truyền thông và giáo dục về thay đổi hành vi.

Các đối tác quốc gia chính của UNDP trong việc thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu đã được Chính phủ phê duyệt này là Ban TTVHTU và các cơ quan trực thuộc cấp cơ sở, cũng như các phương tiện thông tin đại chúng trong nước.

- 4.19 Giải pháp mang tính chiến lược cho việc thực hiện ba kết quả trực tiếp của Chương trình Quốc gia trên đây là tập trung tăng cường vai trò lãnh đạo của các cơ quan liên quan của Đảng và Quốc hội cũng như năng lực quản lý và điều phối hoạt động của các đối tác trong công tác phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam. Các hoạt động này sẽ được điều phối thông qua chương trình “Tăng cường lãnh đạo để đạt được kết quả”, trong đó sẽ thực hiện các kết quả thông qua hoạt động trợ giúp ở cấp trung ương cũng như địa phương, đồng thời góp phần tăng cường năng lực ở cả ba cấp độ (chính sách, thể chế và cá nhân). Các kết quả này cũng sẽ được thực hiện bằng việc lồng ghép các vấn đề về HIV/AIDS vào các dự án của UNDP bất cứ khi nào thích hợp và có tính khả thi.

**D. Các nội dung liên ngành và sáng kiến chung với các tổ chức khác của Liên Hợp Quốc**

- 4.20 Các vấn đề liên ngành then chốt, trong đó có các vấn đề về giới, HIV/AIDS, thanh niên và phân cấp quản lý, được lồng ghép vào các hợp phần khác của Chương trình Quốc gia. Trong quá trình thực hiện Chương trình Quốc gia, các vấn đề quan trọng này sẽ được xử lý thông qua các hoạt động dự án cũng như các hoạt động tư vấn chính sách, từ khâu thu thập và phân tích số liệu, nghiên cứu và xây dựng chính sách, thiết kế và thực hiện chương trình, đến khâu theo dõi và đánh giá chương trình/chính sách. Hệ thống quản lý dữ liệu DevInfo/VietInfo sẽ được hỗ trợ trong khuôn khổ này.
- 4.21 Để hài hoà hoá các chính sách và tăng cường tác động tổng hợp của các tổ chức thuộc Hệ thống Liên Hợp Quốc đang hoạt động tại Việt Nam, Chính phủ và UNDP sẽ hợp tác chặt chẽ nhằm xác định, thiết kế và thực hiện các chương trình chung, với sự tham gia của một hoặc nhiều tổ chức Liên Hợp Quốc khác. Các cuộc tham khảo ý kiến gần đây giữa các bên đã đạt được thoả thuận chung và đề xuất dự án chi tiết đang được chuẩn bị cho một số sáng kiến chung được ưu tiên cao, trong đó có: (a) Tăng cường năng lực cho cấp cơ sở để thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ ở tỉnh Kon Tum và các địa bàn khác được lựa chọn; (b) Chiến lược trung hạn và dài hạn phòng chống dịch cúm gia cầm độc lực cao ở Việt Nam; (c) Các biện pháp ứng phó chung của Liên Hợp Quốc với dịch bệnh HIV/AIDS tại Việt Nam; (d) Thanh niên Việt Nam; (e) Chương trình tư vấn chính sách của Liên Hợp Quốc, kể cả hỗ trợ việc đánh giá tác động xã hội của Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 2006-2010. Các bên sẽ cùng nhau xác định các đối tác quốc gia chính trong các cuộc tham vấn tới đây và sẽ chủ động đúc rút các bài học kinh nghiệm từ những sáng kiến này để nhân rộng ở mức độ phù hợp trong tương lai.

**PHẦN V. CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG QUAN HỆ ĐỐI TÁC**

- 5.1 Quan hệ đối tác góp phần thực hiện các mục tiêu của Chương trình Quốc gia đã được trình bày trong CPAP và UNDAF và, xét cho cùng, cũng góp phần thực hiện các mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, các Mục tiêu Phát triển của Việt Nam và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Quan hệ đối tác cũng tạo ra cơ hội chia sẻ thông tin để góp phần tăng cường sự phối hợp và tác động tổng hợp của các hoạt động hỗ trợ phát triển, xác định các sáng kiến trợ giúp chung cũng như chia sẻ tri

thức và bài học để nâng cao chất lượng thiết kế và quản lý các chương trình, dự án. Quan hệ đối tác cũng tạo ra các cơ chế huy động thêm nguồn kinh phí để hỗ trợ cho việc thực hiện thành công CPAP và đáp ứng các nhu cầu quốc gia.

- 5.2 Để triển khai thực hiện các khuyến nghị của Diễn đàn cấp cao tại Pa-ri vào đầu năm 2005, Chính phủ và UNDP sẽ nỗ lực cải thiện chất lượng đối thoại giữa Chính phủ và các nhà tài trợ về các vấn đề liên quan đến hài hòa hóa và hiệu quả sử dụng viện trợ. Hai bên sẽ đặc biệt chú ý tới việc thực hiện các quy chế hài hòa của các tổ chức thuộc Nhóm các cơ quan phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDG) và các nguyên tắc và hành động được Nhóm Đối tác về Hiệu quả viện trợ (PGAE)<sup>13</sup> thỏa thuận trong Tuyên bố Hà Nội. Trên tinh thần đó, UNDP sẽ làm hết sức mình để khuyến khích tính chủ động và vai trò chủ đạo của các cơ quan đối tác quốc gia, điều chỉnh chương trình trợ giúp ngày càng phù hợp với các ưu tiên quốc gia, tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục quản lý, tăng cường hơn nữa việc sử dụng quy chế của Chính phủ trong việc quản lý các dự án, và nâng cao trách nhiệm giải trình của các bên liên quan. Chính phủ sẽ hỗ trợ UNDP xác lập vị trí thích hợp cho Chương trình Quốc gia để UNDP có thể thực hiện tốt vai truyền thống của mình trong công tác quản lý và điều phối nguồn vốn ODA, cũng như thực hiện thành công vai trò tăng cường năng lực quốc gia, đặc biệt là ở cấp địa phương, trong những năm tới.
- 5.3 UNDP sẽ phấn đấu mở rộng các mối quan hệ đối tác của mình, với trọng tâm là các nhóm đối tác mà ở đó UNDP có thể đóng góp về mặt nội dung và/hoặc giữ vai trò chủ đạo về mặt tri thức và có thể góp phần đạt được các mục tiêu nêu trong CPAP và UNDAF. Để đạt mục đích này, cần nâng cao tính hiệu quả của các nhóm đối tác hiện hành, nhất là những nhóm có thể góp phần khuyến khích phương thức tiếp cận theo chương trình và có thể đóng góp về mặt nội dung cho các hoạt động chương trình của UNDP. UNDP cũng sẽ quan tâm đúng mức đến việc phát triển quan hệ với các đối tác trong nước cũng như quốc tế ở cấp địa phương. Điều này có ý nghĩa quan trọng đặc biệt, vì trọng tâm của Chương trình Quốc gia ngày càng hướng tới tăng cường năng lực ở cấp địa phương.
- 5.4 Mặc dù các đối tác quốc gia chính đã được xác định ban đầu cho từng kết quả trực tiếp của Chương trình Quốc gia như đã trình bày tại Phần IV trên đây, nhưng vai trò cụ thể của họ trong từng hoạt động trợ giúp sẽ được Chính phủ, UNDP và các đối tác này cùng thỏa thuận trong quá trình xây dựng và phê duyệt các dự án và/hoặc các kế hoạch công tác hàng năm. Tuy nhiên, nguyên tắc xuyên suốt là họ sẽ được huy động tham gia ngay từ đầu, đóng góp ý kiến vào quá trình chuẩn bị trên cơ sở các ưu tiên quốc gia, những gợi ý liên quan trong văn kiện CPAP và nhu cầu thực tế của chính tổ chức mình. Họ cũng sẽ đóng vai trò chủ đạo trong việc thực hiện các hoạt động trợ giúp, như được đề cập cụ thể hơn tại các Phần V, VI, VII và IX của văn kiện CPAP cũng như được quy định cụ thể trong các văn bản hướng dẫn quản lý dự án hiện hành.
- 5.5 Một số đối tác quốc tế chủ yếu cũng đã được xác định cho việc thực hiện từng kết quả trực tiếp của Chương trình Quốc gia, và có thể sẽ xác định thêm các đối tác quốc tế khác khi thấy thích hợp, trong quá trình thực hiện CPAP. Tùy theo sự quan tâm và lợi thế so sánh của các đối tác này, về mặt tài chính và/hoặc nội dung, họ sẽ được huy động tham gia ngay từ đầu quá trình chuẩn bị và sẽ được tham khảo ý kiến đầy đủ trong quá trình thực hiện các hoạt động trợ giúp.
- 5.6 Cơ sở chính cho nỗ lực xây dựng và phát triển quan hệ đối tác của Chính phủ và UNDP sẽ là Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, UNDAF 2006 - 2010 của các tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc, CPD và CPAP 2006 - 2010 của UNDP. Chính phủ và UNDP sẽ sử dụng nhiều cơ chế để hỗ trợ những nỗ lực này, trong đó có: (i) Nhóm các tổ chức Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNCT), góp phần thúc đẩy nỗ lực hài hòa hoá, đơn giản hoá và lập chương trình chung của các tổ chức này; (ii) Diễn đàn hàng tháng của nhóm các nhà tài trợ do UNDP chủ trì

<sup>13</sup> PGAE do Chính phủ chủ trì, với sự tham gia của các nhà tài trợ chính tại Việt Nam, nhằm thúc đẩy quá trình hài hòa hóa và nâng cao hiệu quả viện trợ.

trong hơn một thập kỷ qua, góp phần tăng cường công tác điều phối viện trợ; và (iii) các nhóm đối tác tập trung vào các chủ đề chính và đóng góp về mặt nội dung cho việc thiết kế và quản lý các dự án cụ thể của UNDP.

## PHẦN VI. QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

- 6.1 Thông qua các cơ quan điều phối viện trợ mà Bộ Kế hoạch - Đầu tư (Bộ KHĐT) là đầu mối, Chính phủ chịu trách nhiệm điều phối chung công tác quản lý CPAP. Bộ KHĐT sẽ xin ý kiến các cơ quan hữu quan về các vấn đề ở cấp chương trình và chính sách, khi cần thiết và theo cách thức có thể đảm bảo đưa ra các quyết định kịp thời và hiệu quả. Các cơ quan điều hành có trách nhiệm ra quyết định về các công việc thường nhật liên quan đến Kế hoạch công tác năm (AWP) và/hoặc dự án, và các cơ quan này sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Chính phủ về các quyết định của mình.
- 6.2 Theo thoả thuận chung, các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh/thành, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức Liên Hợp Quốc (kể cả UNDP) sẽ đảm nhận trách nhiệm điều hành các dự án cụ thể. Các Kế hoạch công tác năm sẽ là thoả thuận cơ bản giữa UNDP và từng cơ quan điều hành về việc thực hiện các kết quả dự kiến và sử dụng các nguồn lực phân bổ cho các hoạt động này.
- 6.3 Để hỗ trợ thực hiện các dự án cụ thể, các bên liên quan sẽ cố gắng tìm kiếm nguồn tri thức chuyên môn từ bên ngoài khi cần thiết, của các cơ quan chuyên môn thuộc Liên Hợp Quốc, các tổ chức cũng như các chuyên gia tư vấn trong nước. UNDP cũng sẽ khai thác mạng lưới tri thức toàn cầu và khu vực và các chương trình cấp vùng của mình, cũng như sẽ tăng cường hợp tác với các cơ quan hoạch định chính sách và các viện nghiên cứu hàng đầu trong nước. Đồng thời, sẽ cố gắng khai thác có hiệu quả năng lực nghiên cứu và tri thức chuyên môn tại chỗ của Văn phòng UNDP bằng cách gắn kết các kết quả nghiên cứu với các kết quả trực tiếp tương ứng của Chương trình Quốc gia và lồng ghép các hoạt động nghiên cứu vào Kế hoạch công tác hàng năm, mặc dù trong nhiều trường hợp các hoạt động và kết quả nghiên cứu này không đòi hỏi phải có dự án riêng biệt.
- 6.4 Chính phủ và UNDP sẽ hợp tác chặt chẽ với các đối tác phát triển khác, kể cả các tổ chức tư nhân, nhằm huy động thêm nguồn vốn không thường xuyên để hỗ trợ thực hiện CPAP và đáp ứng các nhu cầu ưu tiên của quốc gia. Các bên sẽ đúc rút bài học kinh nghiệm từ “cơ chế góp vốn” hiện hành và thăm dò khả năng sử dụng các phương thức quản lý viện trợ khác khi điều kiện cho phép, nhằm bảo đảm sử dụng linh hoạt và có hiệu quả nguồn viện trợ phát triển.
- 6.5 NEX là phương thức chủ đạo trong công tác quản lý dự án của UNDP trong những năm gần đây, và sẽ tiếp tục được phát huy trong Chương trình Quốc gia 2006-2010. Tuy nhiên, Chính phủ và UNDP sẽ quan tâm nhiều hơn đến việc đánh giá năng lực chuyên môn và quản lý tài chính của các cơ quan điều hành dự án, qua đó đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường năng lực quản lý và thực hiện dự án có hiệu quả hơn. Trong khuôn khổ các chính sách đã thoả thuận, hai bên sẽ quan tâm nghiên cứu và sử dụng các phương thức điều hành, thực hiện dự án khác khi thấy thích hợp, như thông qua các tổ chức chuyên môn thuộc Liên Hợp Quốc, Chương trình Tình nguyện viên Liên Hợp Quốc và các tổ chức phi chính phủ. Hai bên cũng sẽ cố gắng đơn giản hóa các thủ tục NEX cũng như từng bước mở rộng việc sử dụng các quy chế của Chính phủ trong việc quản lý và thực hiện các dự án của UNDP.
- 6.6 Chính phủ và UNDP sẽ vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam các quy chế mới của UNDP về việc xây dựng, quản lý CPD, CPAP, AWP và các quy chế hài hòa của các tổ chức thuộc Nhóm UNDG về xây dựng, quản lý UNDAF và chuyển kinh phí cho các cơ quan điều hành. Trên tinh thần đó, hai bên sẽ sớm trao đổi ý kiến với các tổ chức khác thuộc Nhóm UNDG để soạn thảo và chính thức ban hành một cuốn *Sổ tay chung hướng*



*dẫn quản lý chương trình và dự án*, phản ánh cốt lõi của các quy chế trên đây của UNDP và UNDG, cũng như các quy chế mới nhất của Chính phủ về quản lý và điều phối ODA, và tinh thần Tuyên bố Hà Nội. Đồng thời, hai bên sẽ tiến hành tập huấn cho cán bộ, nhân viên của các bên liên quan để nâng cao kỹ năng sử dụng cuốn Sổ tay mới nói riêng và tăng cường lực quản lý chương trình/dự án nói chung.

- 6.7 Tất cả các khoản kinh phí chuyển cho cơ quan điều hành sẽ được quy định trên cơ sở Kế hoạch công tác năm được nghiên cứu tại cuộc họp kiểm điểm dự án hàng năm với các cơ quan quản lý viện trợ của Chính phủ và sau đó được cơ quan điều hành và UNDP phê duyệt, và được chi cho các hoạt động nêu trong Kế hoạch này.
- 6.8 Các khoản kinh phí đã được phép giải ngân nhưng cơ quan điều hành chưa sử dụng sẽ được hoàn trả lại vốn chung của Chương trình Quốc gia, hoặc được sử dụng cho các hoạt động chuyên môn khác theo thoả thuận chung, nếu điều này là phù hợp với mục đích và khung thời gian sử dụng nguồn kinh phí.
- 6.9 Trong khuôn khổ CPAP, các hoạt động kiểm toán sẽ được tổ chức như là một bộ phận hữu cơ trong công tác quản lý hành chính và tài chính, cũng như trong khuôn khổ trách nhiệm giải trình của UNDP. Các phát hiện và nhận xét của kiểm toán sẽ được sử dụng cùng với các báo cáo theo dõi, đánh giá và các báo cáo khác nhằm liên tục nâng cao chất lượng của các hoạt động quản lý và sử dụng nguồn lực dành cho dự án.
- 6.10 Tổng Kiểm toán Nhà nước có thể tiến hành kiểm toán các cơ quan điều hành quốc gia. Nếu Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định không tiến hành kiểm toán một số cơ quan điều hành quốc gia cụ thể theo tần suất và phạm vi mà UNDP yêu cầu, thì UNDP sẽ lựa chọn các công ty kiểm toán tư nhân có năng lực để tiến hành công việc này.

## **PHẦN VII. THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC**

- 7.1 Chính phủ sẽ hợp tác chặt chẽ với UNDP để thiết lập các cơ chế theo dõi, đánh giá cần thiết và tiến hành các hoạt động kiểm điểm nhằm bảo đảm thường xuyên theo dõi, đánh giá CPAP và đạt được các kết quả dự kiến theo đúng tiến độ thực hiện và với chất lượng cao, cũng như sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dành cho Chương trình Quốc gia, trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và sự liêm khiết.
- 7.2 Các cơ quan quản lý viện trợ của Chính phủ do Bộ KHĐT làm đầu mối và lãnh đạo Văn phòng UNDP sẽ tiến hành kiểm điểm định kỳ và kiểm điểm đột xuất nếu cần thiết, trên cơ sở phối hợp với các đối tác chủ yếu khi thích hợp, và sẽ tập trung vào hiệu quả và kết quả dự kiến của Chương trình Quốc gia nói chung và của các dự án riêng lẻ khi cần thiết.
- 7.3 Các cơ quan điều hành sẽ hợp tác chặt chẽ với các chuyên viên của UNDP để giám sát thường nhật đối với các dự án riêng lẻ và sẽ tạo điều kiện cho các chuyên viên của UNDP tiếp cận với các sổ sách tài chính liên quan và tiếp xúc với cán bộ chịu trách nhiệm quản lý các khoản kinh phí do UNDP cung cấp. Nhằm mục đích này, các cơ quan điều hành sẽ đồng ý với các hoạt động sau đây: (i) UNDP hoặc đại diện của UNDP tiến hành kiểm tra sổ sách tài chính theo định kỳ hoặc đột xuất tại dự án; (ii) theo dõi các hoạt động chuyên môn theo tiêu chuẩn và hướng dẫn hiện hành của UNDP; và (iii) tiến hành kiểm toán theo kế hoạch hoặc đột xuất.
- 7.4 Việc thực hiện các quy chế mới về theo dõi, đánh giá chương trình, dự án trong Chu kỳ Chương trình Quốc gia 2006-2010 sẽ căn cứ theo tinh thần nêu tại Mục 6.6 trên đây. Phương hướng chung là tiến độ thực hiện các dự án sẽ được ban quản lý dự án kiểm điểm thường xuyên và, đến năm 2007, tiến độ thực hiện các mục tiêu Chương trình Quốc gia sẽ được ban quản lý mục tiêu kiểm điểm hàng năm. Ngoài ra, mỗi mục tiêu của Chương trình Quốc gia sẽ được đánh giá ít nhất một lần trong chu kỳ Chương trình Quốc

gia, và một cuộc kiểm điểm giữa kỳ Chương trình Quốc gia sẽ được tổ chức. Việc đánh giá tiến độ các dự án riêng lẻ sẽ chỉ tiến hành chỉ khi nào các dự án này gặp phải các vấn đề nghiêm trọng trong quá trình thực hiện và nhằm mục đích đề xuất các giải pháp tức thời nhằm khắc phục những vấn đề đó.

- 7.5 Phương thức tiếp cận theo nguyên tắc cùng tham gia trong hoạt động theo dõi và đánh giá sẽ được xây dựng và áp dụng trên cơ sở phối hợp với các cơ quan điều hành và các đối tượng thụ hưởng, nhằm bảo đảm hệ thống theo dõi & đánh giá sẽ được đưa vào vận hành và điều chỉnh cho phù hợp với khung kết quả của CPAP.
- 7.6 Sẽ khuyến khích việc phối hợp theo dõi và đánh giá các dự án do UNDP tài trợ với các Tổ chức khác thuộc Nhóm UNDG, phù hợp với Khung kết quả UNDAF và Kế hoạch theo dõi & đánh giá của UNDAF.
- 7.7 Các cơ quan điều hành sẽ xây dựng báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện và kết quả thu được. Những báo cáo này cũng đề cập đến các thách thức đặt ra trong quá trình thực hiện dự án cũng như việc sử dụng nguồn lực được phân bổ trong Kế hoạch công tác năm. Công tác báo cáo sẽ tuân theo các thủ tục hiện hành và hài hoà đến mức tối đa với thủ tục của các tổ chức khác thuộc hệ thống Liên Hợp Quốc.

## **PHẦN VIII. CAM KẾT CỦA UNDP**

- 8.1 Chính phủ và UNDP sẽ hợp tác chặt chẽ nhằm bảo đảm sự gắn kết giữa CPAP, Kế hoạch công tác năm, các mục tiêu của Chương trình Quốc gia, các mục tiêu của UNDAF, các Mục tiêu Phát triển của Việt Nam và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, kể cả việc báo cáo kết quả theo dõi và đánh giá. Hai bên sẽ quan tâm đúng mức đến việc bảo đảm trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của tất cả các bên liên quan tới việc thực hiện CPAP, trong đó có các cơ quan điều hành, các cơ quan Chính phủ và Văn phòng UNDP.
- 8.2 Dự kiến phân bổ nguồn vốn thường xuyên cho việc thực hiện CPAP sẽ là 30 triệu USD, trong khi chỉ tiêu huy động các nguồn vốn không thường xuyên sẽ là 48 triệu USD. Chín phần trăm (95%) nguồn vốn thường xuyên sẽ được phân bổ cho việc thực hiện các kết quả dự kiến của Chương trình Quốc gia, năm phần trăm (5%) còn lại sẽ được dùng làm nguồn vốn dự phòng nhằm đáp ứng kịp thời và linh hoạt các nhu cầu nảy sinh trong quá trình thực hiện Chương trình Quốc gia. UNDP sẽ hợp tác chặt chẽ với Chính phủ trong việc đề xuất các ý tưởng dự án mang tính sáng tạo nhằm đạt được chỉ tiêu huy động vốn không thường xuyên này. Ngoài ra, UNDP cũng sẽ nỗ lực huy động thêm các nguồn vốn từ các quỹ uỷ thác theo chủ đề toàn cầu, nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện thành công CPAP.
- 8.3 UNDP sẽ không chịu trách nhiệm trực tiếp đối với các hợp đồng được thương lượng ký kết giữa cơ quan điều hành và đơn vị cung ứng thứ ba.
- 8.4 Theo yêu cầu của Chính phủ, UNDP sẽ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ sau đây cho việc thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ CPAP:
  - i. Tìm kiếm và trợ giúp cho việc tuyển dụng nhân sự dự án; mua sắm hàng hoá và dịch vụ theo các chính sách, thủ tục và quy tắc của UNDP;
  - ii. Tìm kiếm và hỗ trợ tổ chức các hoạt động tập huấn/đào tạo, kể cả các suất học bổng ngắn hạn và các đoàn nghiên cứu khảo sát;
  - iii. Tiếp cận các hệ thống thông tin toàn cầu do UNDP quản lý, mạng lưới văn phòng UNDP ở các quốc gia và các hệ thống thông tin chuyên ngành, kể cả danh mục các chuyên gia tư vấn và các nhà cung cấp dịch vụ phát triển được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu; và

- iv. Tiếp cận sự trợ giúp từ mạng lưới các cơ quan chuyên môn, các quỹ và các chương trình của Liên Hợp Quốc.

## **PHẦN IX. CAM KẾT CỦA CHÍNH PHỦ**

- 9.1 Chính phủ sẽ thực hiện cam kết của mình theo các điều khoản trong Hiệp định SBAA được đề cập trong Mục I.1.1 của tài liệu này. Chính phủ sẽ thực hiện các điều khoản trong Công ước về Quyền ưu đãi và miễn trừ dành cho các tổ chức Liên Hợp Quốc đối với bất động sản, công quỹ và các tài sản khác của UNDP, cũng như đối với các cán bộ, nhân viên và chuyên gia của UNDP. Ngoài ra, Chính phủ cũng sẽ dành cho UNDP, cán bộ, nhân viên của UNDP, cũng như những người khác cung cấp dịch vụ thay mặt cho UNDP, những quyền ưu đãi, miễn trừ và những điều kiện thuận lợi được đề cập trong Hiệp định SBAA.
- 9.2 Chính phủ cam kết hoàn toàn ủng hộ UNDP thực hiện các nhiệm vụ của mình tại Việt Nam, trong đó có nhiệm vụ tiến hành các hoạt động trợ giúp kỹ thuật và hỗ trợ thực hiện các giá trị nêu trong Tuyên bố Thiên niên kỷ và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ tại Việt Nam.
- 9.3 Chính phủ cam kết bảo đảm cung cấp đầy đủ và kịp thời nguồn vốn đối ứng, kể cả các khoản đóng góp bằng hiện vật và tiền mặt, nhằm góp phần thực hiện thành công các dự án do UNDP tài trợ.
- 9.4 Chính phủ sẽ hợp tác chặt chẽ với UNDP trong việc huy động các nguồn vốn không thường xuyên, kể cả nguồn vốn của Quỹ Môi trường toàn cầu, nguồn vốn đồng tài trợ của bên thứ ba và các khoản đóng góp của khu vực tư nhân, nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện CPAP.
- 9.5 Chính phủ cam kết sẽ tổ chức kiểm điểm tiến độ thực hiện dự án, mục tiêu và Chương trình Quốc gia theo lịch trình được nêu tại Mục 7.4 trên đây, cũng như các cuộc họp chiến lược chung và, khi cần thiết, các diễn đàn mang tính chuyên đề/chuyên ngành, nhằm hỗ trợ cho sự tham gia của các nhà tài trợ, xã hội dân sự, khu vực tư nhân và các tổ chức Liên Hợp Quốc. Ngoài ra, Chính phủ sẽ tạo điều kiện cho các cán bộ, nhân viên UNDP và/hoặc những người do UNDP chỉ định tiến hành các chuyến thăm dự án định kỳ để gặp gỡ các đối tượng thụ hưởng cũng như đánh giá tiến độ, hiệu quả của các dự án và việc sử dụng các nguồn kinh phí do UNDP cung cấp.
- 9.6 Để tạo thuận lợi cho các cuộc kiểm toán theo kế hoạch hoặc đột xuất, các cơ quan điều hành sẽ tạo điều kiện cho UNDP hoặc đại diện của UNDP tiếp cận kịp thời với: (i) tất cả chứng từ, sổ sách tài chính làm hồ sơ giao dịch cho các khoản kinh phí nhận được, và (ii) tất cả các hoá đơn, chứng từ và các cán bộ, nhân viên liên quan đến việc vận hành cơ cấu kiểm soát nội bộ mà thông qua đó các khoản kinh phí đã được chuyển giao.
- 9.7 Kết luận của các cuộc kiểm toán sẽ được báo cáo với cơ quan điều hành, Chính phủ (thông qua Bộ KH & ĐT và Bộ Tài chính) và UNDP. Ngoài ra, mỗi cơ quan điều hành sẽ: (i) tiếp nhận và nghiên cứu báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán, (ii) kịp thời thông báo cho UNDP ý kiến chấp nhận hay bác bỏ một khuyến nghị nào đó của kiểm toán, (iii) có biện pháp triển khai thực hiện kịp thời những khuyến nghị kiểm toán đã chấp nhận, và (iv) hàng quý báo cáo kết quả thực các hiện khuyến nghị đó.
- 9.8 Chính phủ sẽ cung cấp kịp thời cho UNDP thông tin cần thiết về những thay đổi chính sách hay luật pháp quốc gia có thể tác động đến quan hệ hợp tác giữa hai bên.
- 9.9 Chính phủ sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình trong việc đóng góp vào chi phí cho Văn phòng Đại diện của UNDP (GLOC), theo phương pháp tính toán chuẩn của UNDP.

## **PHẦN X. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 10.1 Văn bản CPAP này sẽ thay thế bất kỳ văn bản CPAP nào khác đã được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và UNDP, và có thể được điều chỉnh theo thoả thuận của đôi bên vào bất cứ khi nào cần thiết.
- 10.2 Văn bản CPAP được soạn thảo bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị pháp lý ngang nhau và mỗi bên lưu giữ một bộ bản gốc.

Những người có chữ ký dưới đây đã chứng kiến và ký kết văn bản Kế hoạch Hành động thực hiện Chương trình Quốc gia này, vào ngày 9 tháng 5 năm 2006, tại Thủ đô Hà Nội, nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

**T/M Chính phủ  
Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**

**T/M Chương trình  
Phát triển Liên Hợp Quốc**

Chữ ký:

Chữ ký:

Họ & tên: Cao Viết Sinh

Họ & tên: Subinay Nandy

Chức danh: Thứ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư

Chức danh: Quyền Trưởng Đại diện UNDP Việt Nam

## Phụ lục I: Khung Kết quả và Nguồn lực trong CPAP

<b>Mục tiêu 1 của UNDAF: Tăng trưởng kinh tế công bằng hơn, bền vững hơn và mang lại lợi ích cho nhiều đối tượng dân cư hơn</b>										
Các lĩnh vực hỗ trợ trong chương trình của UNDP	Các mục tiêu dự kiến của Chương trình Quốc gia	Các kết quả dự kiến của Chương trình Quốc gia	Các chỉ tiêu về kết quả của Chương trình Quốc gia	Các cơ quan điều hành	Dự kiến phân bổ nguồn vốn theo lĩnh vực hỗ trợ của Chương trình (theo năm, USD)					
					2006	2007	2008	2009	2010	Tổng cộng
Thực hiện thành công các Mục tiêu Thiên niên kỷ và giảm tình trạng nghèo chung của con người	1. Các chính sách và biện pháp can thiệp quốc gia vì người nghèo, qua đó hỗ trợ tăng trưởng bình đẳng hơn và mang lại lợi ích cho nhiều đối tượng dân cư hơn	1.1 Nâng cao chất lượng thiết kế và thực hiện có hiệu quả hơn các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) về xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội cho các xã nghèo nhất	<p>1.1.1 Thiết kế một cách minh bạch và có sự tham gia rộng rãi, các CTMTQG về XĐGN, nhạy cảm về giới và có tính đến bài học rút ra từ cuộc đánh giá được tiến hành năm 2005 đối với thể chế đầu của các CTMTQG;</p> <p>1.1.2 Xây dựng các hệ thống theo dõi và đánh giá có hiệu quả ở cấp trung ương và địa phương nhằm theo dõi tiến độ thực hiện các CTMTQG về XĐGN và phổ biến kết quả đến các bên quan tâm, qua đó nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và thực hiện các chương trình ;</p> <p>1.1.3 Xây dựng các cơ chế có hiệu quả nhằm cải thiện công tác xác định nhóm đối tượng và mở rộng sự tham gia của người dân, qua đó tăng cường khả năng tiếp cận của người nghèo (nam giới và nữ giới) cũng như trẻ em với các CTMTQG và tăng thêm lợi ích họ được thụ hưởng từ những chương trình này;</p> <p>1.1.4 Thiết kế một cách minh bạch và có sự tham gia rộng rãi, và đưa vào thực hiện hệ thống phân bổ ngân sách và quản lý tài chính đối với các CTMTQG;</p> <p>1.1.5 Tăng cường năng lực thực hiện các CTMTQG ở các cấp, trong đó có năng lực theo dõi và giám sát các chương trình này.</p>	<p>Bộ LĐTB &amp; XH và Ủy ban Dân tộc</p> <p>Với sự tham gia của Bộ KH &amp; ĐT, Bộ Tài chính, các Bộ khác có liên quan và UBND các tỉnh được lựa chọn.</p> <p>ADB**, AUSAID, CIDA, DFID, SIDA, WB, UNICEF và các tổ chức khác thuộc LHQ</p>	<i>Nguồn vốn thường xuyên: 8,5 triệu USD*</i>					
					TRAC 1					
					TRAC 2&3					
<i>Các nguồn vốn khác: 8 triệu USD</i>										
BỘ LĐTB & XH										

		<p>1.2 Xây dựng một khuôn khổ quốc gia toàn diện về an sinh xã hội (ASXH) theo nguyên tắc lũy tiến và mang lại lợi ích cho nhiều đối tượng dân cư hơn</p>	<p>1.2.1 Xác định những bất cập về mặt kiến thức và tiến hành nghiên cứu, qua đó góp phần vào các cuộc thảo luận chính sách đối với việc xây dựng một khuôn khổ ASXH toàn diện hơn, theo nguyên tắc lũy tiến và mang lại lợi ích cho nhiều đối tượng dân cư hơn;</p> <p>1.2.2 Xây dựng sự đồng thuận giữa các đối tác quốc gia và quốc tế chính về lộ trình tiến tới xây dựng Kế hoạch Quốc gia toàn diện về ASXH theo nguyên tắc lũy tiến và mang lại lợi ích cho nhiều đối tượng dân cư hơn và Luật ASXH;</p> <p>1.2.3 Cung cấp trợ giúp kỹ thuật cho việc xây dựng Kế hoạch Quốc gia về ASXH và chuẩn bị dự thảo Luật ASXH, cũng như soạn thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện;</p> <p>1.2.4 Tăng cường năng lực quốc gia và khắc phục những bất cập về mặt kiến thức nhằm thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Quốc gia về ASXH và Luật ASXH.</p>	<p>Với sự tham gia tích cực của Viện KHXHVN, Bảo hiểm xã hội VN, Bảo hiểm y tế VN, Bộ Tài chính, Bộ KH &amp; ĐT, và Quốc hội</p>	
		<p>1.3. Xây dựng một khuôn khổ dựa trên nhu cầu và theo nguyên tắc cùng tham gia để theo dõi và giám sát có hiệu quả hơn cho công tác xoá đói giảm nghèo, các Mục tiêu Phát triển của Việt Nam (VDG) và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG), có quan tâm tới khía cạnh giới</p>	<p>1.3.1. Sửa đổi và cập nhật các Chỉ số thống kê quốc gia cho Kế hoạch Phát triển KT-XH 5 năm 2006-2010 và cho việc theo dõi các Mục tiêu Phát triển của Việt Nam và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ;</p> <p>1.3.2. Sửa đổi và cập nhật Kế hoạch hành động và Kế hoạch tăng cường năng lực về thống kê quốc gia;</p> <p>1.3.3. Nâng cao chất lượng, hài hoà và hợp lý hoá các nguồn số hiệu thống kê hiện có;</p> <p>1.3.4. Xây dựng và cải tiến các cơ chế báo cáo, phổ biến, sử dụng và lưu trữ dữ liệu;</p> <p>1.3.5. Cung cấp trợ giúp kỹ thuật cho việc kiểm điểm giữa kỳ/đánh giá tác động về mặt xã hội đối với Kế hoạch Phát triển KT-XH 5 năm 2006-2010, nhằm</p>	<p>Tổng cục Thống kê và Bộ KH &amp; ĐT</p> <p>Với sự tham gia tích cực của Bộ LĐTB &amp; XH, Bộ NN &amp; PTNT, Bộ GD &amp; ĐT, Bộ Y tế và UBND của các tỉnh được lựa chọn</p>	

			<p>cung cấp thông tin khách quan cho việc điều chỉnh Kế hoạch 5 năm nếu cần thiết.</p> <p>1.3.6. Cung cấp trợ giúp kỹ thuật cho Chính phủ soạn thảo Báo cáo Phát triển con người Việt Nam và Báo cáo Tiến độ thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (hai năm một lần).</p>	
		<p>1.4 Một khuôn khổ pháp quy thuận lợi hơn cho sự phát triển của khu vực tư nhân, qua đó khuyến khích đầu tư, tăng cường thương mại và tạo thêm việc làm, đặc biệt là ở các cấp địa phương</p>	<p>1.4.1 Tăng cường khuôn khổ pháp luật cho việc khuyến khích đầu tư và phát triển khu vực tư nhân, với trọng tâm đặc biệt là cải thiện sinh kế cho người nghèo;</p> <p>1.4.2 Tăng cường hiểu biết của người dân về các luật liên quan đến kinh doanh và văn bản hướng dẫn thực hiện các luật này;</p> <p>1.4.3 Cải thiện hơn nữa môi trường phát triển khu vực tư nhân ở một số tỉnh được lựa chọn.</p>	<p>Bộ KH &amp; ĐT</p> <p>Với sự tham gia tích cực của Phòng CN &amp; TM Việt Nam, Tổng cục Thống kê, UBND các tỉnh được lựa chọn, và các cơ sở tư nhân có tiềm năng</p>
		<p>1.5 Nâng cao hiểu biết về các thách thức và đề xuất các phương án chính sách nhằm đối phó với những tác động về mặt kinh tế và xã hội của quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, và để phân phối một cách công bằng hơn những lợi ích thu được từ sự tham gia vào nền kinh tế quốc tế</p>	<p>1.5.1 Phân tích các thách thức hiện nay và các giải pháp chính sách liên quan đến toàn cầu hoá và nỗ lực hội nhập quốc tế của Việt Nam;</p> <p>1.5.2 Tư vấn về điều tra thị trường lao động, nhằm nâng cao hiểu biết về những thách thức hiện nay và các giải pháp chính sách liên quan đến tác động phân phối lại của quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.</p>	<p>Viện KHXHVN và Bộ LĐTB &amp; XH</p> <p>Với sự tham gia tích cực của Tổng cục thống kê</p>
		<p>1.6. Tăng cường hiểu biết và đề xuất các phương án chính sách để xúc tiến các chính sách tài chính công hỗ trợ nhiều</p>	<p>1.6.1 Tiến hành phân tích các chính sách tài chính công hiện hành và chuẩn bị các tài liệu thảo luận chuyên đề;</p> <p>1.6.2 Tư vấn trong việc thiết kế và đưa vào hoạt động các định chế và khuôn khổ bảo đảm thu và chi bền vững và bình đẳng;</p>	<p>Bộ Tài chính và Bộ KH &amp; ĐT</p> <p>Với sự tham gia tích cực của Viện KHXHVN</p>

		<p>hơn cho người nghèo, có tính đến tác động của tự do hoá thương mại và cải cách tài chính</p> <p>1.7.Nâng cao hiểu biết để giúp cho phụ nữ được tiếp cận bình đẳng với các cơ hội kinh tế, các dịch vụ xã hội và các dịch vụ pháp lý</p>	<p>1.6.3 Hỗ trợ các hoạt động quản lý, sử dụng và điều phối nguồn vốn ODA do Chính phủ giữ vai trò chủ đạo, thông qua tăng cường năng lực để có thể thu thập, phân tích và báo cáo số liệu một cách có hệ thống, cải tiến công tác lập quy hoạch chiến lược và xây dựng khuôn khổ pháp lý, và tăng cường hài hoà hoá giữa Chính phủ và các nhà tài trợ theo Tuyên bố Hà Nội.</p> <p>1.7.1 Nâng cao chất lượng số liệu và thông tin dưới góc độ giới về tình hình tham gia của phụ nữ vào Ủy ban Nhân dân và Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh/thành, huyện/quận và xã/phường;</p> <p>1.7.2 Đóng góp ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng khuôn khổ pháp luật và chiến lược để tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào Ủy ban Nhân dân và Hội đồng Nhân dân các cấp tỉnh/thành, huyện/quận và xã/phường;</p> <p>1.7.3 Chuẩn bị các báo cáo chuyên đề và đề xuất các giải pháp chiến lược nhằm tăng cường khả năng tiếp cận của phụ nữ với các công việc ổn định hơn và có mức thù lao cao hơn, cũng như giảm bớt những bất cập trong phân công lao động giữa nam và nữ trong thị trường lao động hiện nay;</p> <p>1.7.4 Nâng cao chất lượng số liệu và thông tin dưới góc độ giới về khả năng tiếp cận của phụ nữ với các cơ hội kinh tế, dịch vụ xã hội và dịch vụ pháp lý; chuẩn bị các báo cáo chuyên đề và tiến hành hoạt động tuyên truyền nhằm tăng cường bình đẳng giới trong lĩnh vực này, đặc biệt quan tâm đến phụ nữ các dân tộc thiểu số và phụ nữ di cư;</p> <p>1.7.5 Hỗ trợ xác định những bất cập về năng lực và cung cấp trợ giúp kỹ thuật cần thiết nhằm tăng cường năng lực</p>	<p>Ủy ban Quốc gia vì sự Tiến bộ của Phụ nữ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, UB Dân tộc và Viện KHXHVN</p> <p>Với sự tham gia tích cực của các viện nghiên cứu và các bộ/ngành liên quan</p>	
--	--	--	---	---	--



			<p>quốc gia trong việc xây dựng, thực hiện, theo dõi và đánh giá các chính sách liên quan đến các dân tộc thiểu số nhằm tăng cường khả năng tiếp cận bình đẳng của phụ nữ các dân tộc thiểu số và phụ nữ di cư với các cơ hội kinh tế, dịch vụ xã hội và dịch vụ pháp lý.</p>		
--	--	--	---	--	--

Ngăn ngừa khủng hoảng và phục hồi sau khủng hoảng	2. Việt Nam có đủ năng lực giảm thiểu rủi ro và đối phó có hiệu quả với các thảm họa liên quan đến khí hậu, đặc biệt là trong các nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất	2.1 Xây dựng, thông qua và lồng ghép các chiến lược và chính sách quốc gia về giảm nhẹ rủi ro thiên tai có hiệu quả vào các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cấp ngành và quốc gia	<p>2.1.1 Hỗ trợ lồng ghép Chiến lược Quốc gia thứ hai về giảm nhẹ thiên tai vào các kế hoạch phát triển KT-XH cấp trung ương và địa phương;</p> <p>2.1.2 Dự thảo Luật Quản lý đề điều và Luật Giảm nhẹ thiên tai để trình Quốc hội phê duyệt và soạn thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện hai Luật này;</p> <p>2.1.3 Lồng ghép các chiến lược và hoạt động giảm nhẹ thiên tai vào Chương trình nghị sự 21 và các chương trình tương tự;</p> <p>2.1.4 Hỗ trợ thiết kế Quỹ Tự lực khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần huy động nguồn lực cho Quỹ và tăng cường năng lực quản lý Quỹ;</p> <p>2.1.5 Hỗ trợ để bảo đảm Thông cáo số 2 của Việt Nam về Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu phản ánh các ưu tiên trong việc tăng cường năng lực quốc gia nhằm thích ứng với hiện tượng biến đổi khí hậu.</p>	<p>Bộ NNPT &amp; NT, Ban Phòng chống lụt bão TƯ, Bộ TN &amp; MT, UBNDHCN &amp; MT của Quốc hội</p> <p>Với sự tham gia tích cực của UBND của các tỉnh được lựa chọn, Bộ Tài chính, Bảo Việt và Hội Chữ thập đỏ Việt Nam ở các cấp</p> <p>AUSaid, Luých-xăm-bua</p>	<i>Nguồn vốn thường xuyên: 2 triệu USD</i>					
					TRAC 1					
					TRAC 2&3					
		2.2 Tăng cường năng lực quản lý rủi ro thiên tai của chính quyền các địa phương, tổ chức xã hội, cộng đồng và người dân để giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai về mặt xã hội, kinh tế và môi trường, đặc biệt là ở các tỉnh có mức độ rủi ro đang gia tăng do hiện tượng biến đổi khí hậu	<p>2.2.1 Tăng cường năng lực và phương tiện đào tạo/tập huấn về quản lý rủi ro thiên tai cho các cán bộ quản lý, cán bộ hoạch định chính sách, chính quyền địa phương được lựa chọn và các cộng đồng dễ bị rủi ro;</p> <p>2.2.2 Tăng cường năng lực quản lý rủi ro thiên tai của các tỉnh, huyện và cộng đồng được lựa chọn hay bị bão, lụt và hạn hán, thông qua việc tập huấn cho các cán bộ chủ chốt và các phương thức tiếp cận mang tính sáng tạo, trong đó có các biện pháp giảm nhẹ hậu quả thiên tai và tập trung xây dựng khả năng thích ứng với hiện tượng biến đổi khí hậu.</p>	<p>Ban Phòng chống lụt, bão của các tỉnh được lựa chọn, các tổ chức quần chúng và các tổ chức phi chính phủ cấp địa phương</p>	<i>Các nguồn vốn khác: 4 triệu USD</i>					

		<p>2.3 Nâng cao năng lực thể chế của các cơ quan quốc gia và các tổ chức cộng đồng để có thể cảnh báo sớm thiên tai có hiệu quả, phối hợp tốt với các tổ chức quốc tế và đúc rút bài học kinh nghiệm từ công tác quản lý rủi ro thiên tai</p>	<p>2.3.1 Tăng cường năng lực thể chế điều phối các hoạt động trong nước và quốc tế trong công tác quản lý rủi ro thiên tai;</p> <p>2.3.2 Tăng cường năng lực các cấp trong công tác đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra và nhu cầu cứu trợ và phổ biến các thông tin/số liệu đó;</p> <p>2.3.3 Tăng cường năng lực phân tích thông tin/số liệu và nghiên cứu về giảm thiểu rủi ro nhằm hỗ trợ công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;</p> <p>2.3.4 Tăng cường năng lực thể chế về cảnh báo sớm thiên tai, trong đó có hỗ trợ tăng cường mối quan hệ với các hệ thống cảnh báo sớm của quốc tế về sóng thần và các loại hình thiên tai khác cần được ưu tiên quan tâm.</p>	<p>Bộ NNPT &amp; NT, Ban Phòng chống lụt bão TƯ, Bộ KH &amp; ĐT, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các cơ quan nghiên cứu có liên quan</p>													
<p>Năng lượng và môi trường phục vụ phát triển bền vững</p>	<p>3. Tăng trưởng kinh tế có tính đến nhu cầu bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên để xoá đói giảm nghèo</p>	<p>3.1 Xây dựng các hệ thống và năng lực nhằm tăng cường khả năng giám sát của các cơ quan lập pháp cấp trung ương và địa phương đối với việc thực hiện Định hướng Chiến lược về Phát triển bền vững, Chiến lược Quốc gia về Bảo vệ môi trường và các chính sách, luật pháp khác về môi trường</p>	<p>3.1.1 Tăng cường luật pháp và năng lực giám sát của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân ở các tỉnh được lựa chọn nhằm thực thi Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học cũng như thực hiện Định hướng Chiến lược về Phát triển bền vững ở Việt Nam, Chiến lược Giảm nhẹ thiên tai và các chiến lược quốc gia khác có liên quan;</p>	<p>Các cơ quan liên quan của Quốc hội và Đảng, Bộ TN &amp; MT, Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững, HEND các tỉnh được lựa chọn</p> <p>Với sự tham gia tích cực của các bộ/ngành khác có liên quan</p> <p>DFID, SIDA</p>	<p><i>Nguồn vốn thường xuyên: 4,3 triệu USD</i></p>												
			<p>3.1.2 Nâng cao năng lực của các cơ quan hữu quan của Đảng trong việc tuyên truyền và bảo đảm các nguyên tắc về phát triển bền vững được phản ánh trong các chiến lược phát triển chủ yếu của quốc gia;</p>		<table border="1"> <tr> <td>TRAC 1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>TRAC 2&amp;3</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	TRAC 1						TRAC 2&3					
			TRAC 1														
TRAC 2&3																	
<p>3.1.3 Xây dựng và đưa vào thực hiện các cơ chế giám sát phát triển bền vững ở cấp trung ương, tỉnh và ngành, và xây dựng năng lực điều phối mang tính chiến lược.</p>	<p><i>Các nguồn vốn khác: 17 triệu USD</i></p>																

		<p>3.2. Xây dựng các khuôn khổ pháp lý, chiến lược, chính sách và kế hoạch dài hạn về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường với sự tham gia rộng rãi của người dân và các đối tượng liên quan ở cấp cơ sở, đồng thời phù hợp với các công ước quốc tế về môi trường</p>	<p>3.2.1 Tăng cường xác định các ưu tiên chiến lược và xây dựng các công cụ luật pháp, chính sách nhằm khuyến khích bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, hỗ trợ xoá đói giảm nghèo, và nâng cao sự bình đẳng;</p> <p>3.2.2 Tăng cường các kế hoạch và quy chế cấp quốc gia, vùng và tỉnh trong lĩnh vực bảo tồn và sử dụng năng lượng với hiệu suất cao và nâng cao khả năng tiếp cận của người nghèo với các dịch vụ năng lượng hiện đại;</p> <p>3.2.3 Tăng cường các kế hoạch cấp quốc gia, vùng và tỉnh về bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.</p>	<p>Bộ TN &amp; MT, Bộ NNPT &amp; NT, UBND các tỉnh được lựa chọn, Viện KH&amp; CN VN và Bộ KHCN</p> <p>Với sự tham gia tích cực của Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp, Bộ Thủy sản và các tổ chức quần chúng</p>	
		<p>3.3. Cải tiến các cơ chế và nâng cao năng lực thể chế trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động nhằm bảo đảm cho các mối quan tâm về môi trường được lồng ghép vào các hoạt động xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế</p>	<p>3.3.1 Tăng cường năng lực thể chế trong việc điều phối tài trợ theo phương pháp tiếp cận chương trình về việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, đặc biệt là nhằm góp phần xoá đói giảm nghèo;</p> <p>3.3.2 Tăng cường năng lực phân tích các vấn đề về phát triển bền vững và khả năng tổ chức tập huấn/đào tạo của các cơ quan đào tạo chủ yếu trong nước;</p> <p>3.3.3 Tăng cường năng lực lập kế hoạch ở cấp địa phương và cải tiến quy chế của các ngành và địa phương nhằm hỗ trợ phát triển bền vững về môi trường;</p> <p>3.3.4 Tăng cường năng lực kỹ thuật trong các lĩnh vực được ưu tiên nhằm hỗ trợ phát triển bền vững về môi trường.</p>	<p>Bộ TN &amp; MT, Bộ NN &amp; PTNT, Bộ GD &amp; ĐT, Bộ KH &amp; CN và UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Gia Lai.</p> <p>Với sự tham gia tích cực của các tỉnh có liên quan, và các tổ chức quần chúng địa phương và các tổ chức cộng đồng</p>	
		<p>3.4. Nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận rộng rãi với thông</p>	<p>3.4.1 Tăng cường khả năng tiếp cận của công chúng nói chung và cán bộ các cấp nói riêng với thông tin/số liệu về phát triển bền vững và đặc biệt là về</p>	<p>Bộ TN &amp; MT, Bộ NNPT &amp; NT, và Tổng cục Thống kê.</p>	

		tin về môi trường phục vụ cho hoạt động quan trắc, trong đó có các Báo cáo Đánh giá tác động về môi trường và các chỉ số về mối liên hệ giữa môi trường và nghèo đói	<p>môi trường;</p> <p>3.4.2 Xây dựng các chỉ số phát triển bền vững trong hệ thống quốc gia nhằm theo dõi tăng trưởng kinh tế, xoá đói giảm nghèo và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, cũng như theo dõi và giám sát về phát triển bền vững nói chung;</p> <p>3.4.3 Tăng cường năng lực thể chế để quan trắc và báo cáo các chỉ số và kết quả phát triển bền vững về môi trường.</p>	Với sự tham gia tích cực của Viện KHXHVN, Viện KH & CNVN, Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan của Quốc hội và Đảng, HĐND và UBND của các tỉnh được lựa chọn, các cơ quan thông tin đại chúng trong nước và các tổ chức quần chúng	
		3.5. Hỗ trợ các sáng kiến ở cấp cơ sở nhằm khuyến khích áp dụng phương thức sử dụng các nguồn năng lượng với hiệu suất cao, bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên	<p>3.5.1 Hệ thống hoá các bài học kinh nghiệm và mô hình thành công ở cấp cơ sở trong việc sử dụng năng lượng với hiệu suất cao, bảo vệ môi trường và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, và nhân rộng các bài học/mô hình này với sự tham gia rộng rãi của các tổ chức quần chúng, các tổ chức phi chính phủ và các cộng đồng;</p> <p>3.5.2 Tăng cường công tác quản lý các khu bảo tồn ở Việt Nam thông qua các dự án mới thực hiện thí điểm việc tài trợ cho các khu bảo tồn, thiết kế các hoạt động nhằm triển khai các kết quả nghiên cứu chính sách từ dự án PARC và tăng cường năng lực của địa phương;</p> <p>3.5.3 Nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng trong khu vực công cộng và các doanh nghiệp vừa &amp; nhỏ và tăng cường khả năng tiếp cận của người nghèo với năng lượng sạch, rẻ tiền.</p>	<p>Bộ TN &amp; MT, Bộ NN &amp; PTNT, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Gia Lai, và các doanh nghiệp vừa &amp; nhỏ được lựa chọn</p> <p>Với sự tham gia tích cực của Bộ KH &amp; ĐT, Bộ Công nghiệp, Viện KH&amp;CNVN, Bộ KH &amp; CN, chính quyền và các tổ chức quần chúng cấp cơ sở</p>	
		3.6. Tăng cường sử dụng các công cụ kinh tế cho việc quản lý môi trường, trong đó có hạch toán môi trường, thuế	<p>3.6.1 Tăng cường năng lực của Chính phủ trong việc xây dựng và sử dụng các công cụ kinh tế và thống kê cho việc xây dựng chính sách phát triển bền vững về môi trường;</p> <p>3.6.2 Nâng cao năng lực của Chính phủ</p>	<p>Bộ TN &amp; MT, Bộ Tài chính, Bộ NN &amp; PTNT và Tổng cục Thống kê.</p> <p>Với sự tham gia tích cực của Bộ KH</p>	

		“xanh” và cải tiến chế độ cấp phép và thu phí	trong việc kiểm điểm chi tiêu công cộng cho công tác bảo vệ môi trường nhằm hỗ trợ lập kế hoạch và quản lý tài chính, với mục tiêu dành 1% tổng chi ngân sách Nhà nước cho công tác bảo vệ môi trường;	& ĐT, Viện QLKTƯ, Quốc hội, và UBND các tỉnh được lựa chọn.	
			3.6.3 Tăng thêm nguồn tài trợ cho công tác quản lý các khu bảo tồn của Việt Nam, trong đó có việc xây dựng năng lực và cơ chế cho việc tài trợ này.		

**Mục tiêu 3 của UNDAF: Công tác quản trị quốc gia hỗ trợ hiệu quả cho sự phát triển dựa trên các quyền nhằm thực hiện các giá trị và mục tiêu nêu trong Tuyên bố Thiên niên kỷ**

Tăng cường quản trị quốc gia theo nguyên tắc dân chủ	4. Hệ thống quản trị quốc gia dựa trên các nguyên tắc cơ bản, đó là: trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, sự tham gia và công bằng, cũng như phù hợp với nền dân chủ và nhà nước pháp quyền	4.1. Thực hiện hiệu quả hơn giai đoạn 2 của Chương trình Tổng thể về Cải cách hành chính (CCHC), cũng như tiếp tục thử nghiệm và nhân rộng các sáng kiến cải cách hành chính ở cấp địa phương.	4.1.1 Tăng cường năng lực lập kế hoạch, chỉ đạo và quản lý chung đối với công tác CCHC, tập trung vào đối thoại chính sách, phối hợp theo chiều ngang, lập kế hoạch huy động/sử dụng nguồn lực và điều phối tài trợ, các hệ thống quản lý, học hỏi và nhân rộng các bài học kinh nghiệm thành công;	Ban Chỉ đạo CCHC, Bộ Nội vụ, Bộ NNPT & NT, và UBND Thành phố Hồ Chí Minh	<i>Nguồn vốn thường xuyên: 10,9 triệu USD</i>					
			4.1.2 Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ chế cung cấp dịch vụ công theo hướng đáp ứng nhu cầu ở cấp cơ sở;	Với sự tham gia tích cực của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh được lựa chọn	TRAC1					
			4.1.3 Ứng dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng hoạt động mang tính chiến lược và các tiêu chuẩn chất lượng ở các bộ, ngành và các tỉnh/thành được lựa chọn, tiến tới áp dụng các tiêu chuẩn ISO ở chính quyền cấp tỉnh, các tiêu chuẩn chất lượng của mô hình “một cửa, một dấu”, thí điểm và nhân rộng các kênh tiếp thu ý kiến phản hồi, đóng góp của người dân, và đơn giản hoá các thủ tục hành chính.	AUSaid, ADB, Care International, DANIDA, DFID, EU, SDC, SIDA, SNV, UNCDF, WB và các tổ chức phi chính phủ quốc tế	TRAC 2&3					
				Bộ KH & ĐT, Bộ	<i>Các nguồn vốn khác: 15 triệu USD</i>					

4.2. Tăng cường cơ chế của các cơ quan chính quyền địa phương để thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm được giao phó trong quá trình phân cấp quản lý

4.3 Xây dựng và thực hiện các biện pháp chiến lược toàn diện nhằm hỗ trợ cho việc cải cách hệ thống pháp luật và tư pháp

- 4.2.1 Tăng cường năng lực lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng ngân sách và quản lý nguồn lực công ở các tỉnh được lựa chọn;
- 4.2.2 Tăng cường các cơ chế giám sát, trách nhiệm giải trình và theo dõi/đánh giá (đối với công tác lập kế hoạch, xây dựng ngân sách và quản lý nguồn lực công) ở các tỉnh được lựa chọn;
- 4.2.3 Góp phần bảo đảm các dự án đầu tư cấp huyện và xã ở các tỉnh được lựa chọn mang tính minh bạch và có hiệu quả cao hơn;
- 4.2.4 Góp phần bảo đảm cho các bài học và tri thức rút ra từ các hoạt động thí điểm được sử dụng trong quá trình xây dựng chính sách ở cấp trung ương và được chia sẻ với các tỉnh khác.

- 4.3.1 Tăng cường công tác lập kế hoạch, chỉ đạo và quản lý chung đối với việc thực hiện Chiến lược Phát triển hệ thống pháp luật và Chiến lược Cải cách tư pháp;
- 4.3.2 Thực hiện có hiệu lực và hiệu quả các hợp phần chính của Chiến lược Phát triển hệ thống pháp luật và Chiến lược Cải cách tư pháp, bao gồm cả việc sử dụng Quỹ Phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam;
- 4.3.3 Tăng cường năng lực quốc gia nhằm thúc đẩy xây dựng nhà nước pháp quyền và tăng cường khả năng tiếp cận công lý ở các cấp địa phương;
- 4.3.4 Tăng cường năng lực ở cấp trung ương và địa phương nhằm thực hiện các công ước quốc tế về quyền con người được Việt Nam phê chuẩn và thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình thực hiện các công ước đó.

Tài chính, Bộ LĐTB & XH, Bộ Nội vụ và UBND các tỉnh thí điểm

Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Hội Luật gia Việt Nam

Với sự tham gia tích cực của Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, và UBND các tỉnh được lựa chọn

		<p>4.4 Chia sẻ các kinh nghiệm mang tính so sánh và xây dựng mạng lưới thông tin, tri thức nhằm cải tiến cách thức hoạt động của Quốc hội, và tăng cường năng lực cho các đại biểu (đặc biệt là đại biểu nữ) và cán bộ/nhân viên của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân ở các tỉnh thí điểm</p>	<p>4.4.1 Tăng cường các cơ hội tập huấn/đào tạo và học tập nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của các đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân;</p> <p>4.4.2 Tăng cường năng lực nghiên cứu, thẩm định các văn bản pháp luật và giám sát có hiệu quả cho các Ủy ban có liên quan của Quốc hội;</p> <p>4.4.3 Thiết lập cơ chế đối tác nhằm tăng cường đối thoại chính sách và điều phối tài trợ cho Quốc hội;</p> <p>4.4.4 Tăng cường năng lực của Hội đồng Nhân dân để thực thi nhiệm vụ được giao trong quá trình phân cấp quản lý hiện đang diễn ra.</p>	<p>Văn phòng Quốc hội, Ủy ban Ngân sách và Kinh tế của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân ở các tỉnh được lựa chọn</p> <p>Với sự tham gia tích cực của các Ủy ban khác có liên quan của Quốc hội</p>	
		<p>4.5 Tăng cường năng lực quốc gia và cơ chế về luật pháp và thể chế nhằm hỗ trợ thực hiện Công ước của Liên Hợp Quốc về Chống tham nhũng và Luật Phòng chống tham nhũng của Việt Nam</p>	<p>4.5.1 Xây dựng hệ thống quốc gia để theo dõi có hiệu quả và với sự tham gia rộng rãi, việc thực hiện Công ước của LHQ về Chống tham nhũng;</p> <p>4.5.2 Nâng cao nhận thức của công chúng về tình trạng tham nhũng và khuôn khổ pháp lý và thể chế cho việc chống tham nhũng, cũng như tăng cường sự tham gia của người dân vào các hoạt động phòng chống tham nhũng;</p> <p>4.5.3 Tăng cường năng lực của Ban chỉ đạo TƯ về Phòng chống tham nhũng và các cơ quan chủ yếu của Chính phủ trong việc quản lý, chỉ đạo và phối hợp các hoạt động thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng;</p> <p>4.5.4 Thiết kế và thực hiện các chương trình/dự án thí điểm về chống tham nhũng mang tính chiến lược ở cấp cơ sở.</p>	<p>Ban Chỉ đạo TƯ về Phòng chống tham nhũng và Tổng Thanh tra Chính phủ</p> <p>Với sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và thanh tra của các tỉnh được lựa chọn</p>	
		<p>4.6 Nâng cao năng lực và cơ chế của các hiệp hội, tổ chức và các</p>	<p>4.6.1 Tạo dựng một môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho sự phát triển xã hội dân sự, tập trung hỗ trợ việc nghiên cứu, soạn thảo Luật về Hiệp hội;</p>	<p>Liên hiệp các Hội khoa học &amp; kỹ thuật Việt Nam và Hội Luật gia Việt Nam</p>	



		<p>thực thể khác ngoài khu vực nhà nước ở cấp cơ sở để họ có thể tích cực tham gia, giám sát và đóng góp vào quá trình cải cách</p>	<p>4.6.2 Tăng cường tập huấn/đào tạo, nghiên cứu và huy động nguồn lực cho các hiệp hội, tổ chức và các thực thể khác ngoài khu vực nhà nước ở cấp địa phương, tập trung xây dựng và đưa vào vận hành một trung tâm tư liệu/nghiên cứu tại Liên hiệp các Hội khoa học &amp; kỹ thuật Việt Nam nhằm góp phần tăng cường năng lực của các tổ chức thành viên;</p> <p>4.6.3 Tăng cường năng lực của một số tổ chức lớn để họ có thể tích cực tham gia vào quá trình xây dựng chính sách và luật pháp về phát triển xã hội dân sự và đại diện cho các tổ chức thành viên.</p>	<p>Với sự tham gia tích cực của các tổ chức thành viên và Bộ Nội vụ</p>													
<p>Ứng phó với dịch bệnh HIV/AIDS</p>	<p>5. Xây dựng và triển khai thực hiện các luật pháp, chính sách ở cấp quốc gia và</p>	<p>5.1 Cải tiến khuôn khổ pháp lý và chính sách gắn với phương thức tiếp cận đa ngành, nhạy cảm về giới,</p>	<p>5.1.1 Nâng cao năng lực của các Ban hữu quan của Đảng trong việc soạn thảo, ban hành, chỉ đạo, theo dõi, tổ chức và giám sát việc thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết và chính sách mới liên quan đến công tác phòng chống</p>	<p>Ban Khoa giáo và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy ban các Vấn đề xã hội của Quốc hội, và HĐND</p>	<p><i>Nguồn vốn thường xuyên: 2,8 triệu USD</i></p> <table border="1"> <tr> <td>TRAC 1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>TRAC 2 &amp; 3</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p><i>Các nguồn vốn khác: 4 triệu USD</i></p>	TRAC 1						TRAC 2 & 3					
TRAC 1																	
TRAC 2 & 3																	

	<p>địa phương nhằm chặn đứng sự lan truyền của HIV/AIDS và giảm thiểu tác động tiêu cực đối với những người chung sống với HIV/AIDS</p>	<p>không kỳ thị và không phân biệt đối xử trong công tác phòng chống HIV/AIDS</p>	<p>HIV/AIDS;</p> <p>5.1.2 Tăng cường sự tham gia của các cơ quan dân cử trong các hoạt động nâng cao nhận thức về phòng chống HIV/AIDS, cũng như các chính sách, luật pháp liên quan;</p> <p>5.1.3 Tăng cường năng lực của Quốc hội và các cơ quan dân cử trong việc xây dựng và phổ biến các nghị quyết và luật pháp, hướng tới xây dựng và thông qua dự Luật Phòng chống HIV/AIDS, cùng với các văn bản hướng dẫn thực thi Luật này;</p> <p>5.1.4 Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng và tính kịp thời của công tác thu thập, phân tích số liệu về các nguồn lực của quốc gia và nguồn vốn ODA, cũng như tăng cường năng lực quốc gia trong công tác theo dõi, đánh giá tính hiệu quả và tác động của việc sử dụng các nguồn lực đó cho công tác phòng chống HIV/AIDS;</p> <p>5.1.5 Hỗ trợ thiết lập và vận hành các cơ chế điều phối do Chính phủ đóng vai trò chủ đạo, trong đó có cơ chế phối hợp giữa Chính phủ và cộng đồng tài trợ;</p> <p>5.1.6 Tăng cường năng lực các cấp trong việc xây dựng các biện pháp can thiệp và kế hoạch hành động phòng chống HIV/AIDS làm khuôn khổ chung cho việc điều phối nỗ lực của các nhóm đối tác theo phương thức tiếp cận đa ngành và thực hiện các sáng kiến mang tính thí điểm.</p>	<p>ở các tỉnh thí điểm</p> <p>Với sự tham gia tích cực của Bộ Y tế, Bộ KH &amp; ĐT, và Bộ Tài chính.</p> <p>Quý Ford, Trường ĐH Harvard, Hội đồng Dân số, SIDA, các tổ chức thuộc LHQ</p>	
--	---	---	--	---	--

		<p>5.2. Lồng ghép các vấn đề về HIV/AIDS vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và áp dụng phương thức tiếp cận mới trong công tác phòng chống HIV/AIDS ở các tỉnh thí điểm</p> <p>5.3. Giảm thiểu sự kỳ thị và phân biệt đối xử với những người chung sống với và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS thông qua việc tăng cường công tác thông tin, truyền thông và giáo dục về HIV/AIDS</p>	<p>5.2.1 Tăng cường vai trò lãnh đạo của các Ban liên quan của Đảng trong việc phối hợp liên ngành và lồng ghép công tác phòng chống HIV/AIDS vào các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, ban, ngành và tổ chức quần chúng;</p> <p>5.2.2 Tăng cường năng lực của Quốc hội và các cơ quan dân cử các cấp trong việc giám sát thực hiện các nghị quyết, chính sách và luật pháp về phòng chống HIV/AIDS, lồng ghép công tác phòng chống HIV/AIDS vào các chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp trung ương và địa phương, và tăng cường vận động sự ủng hộ, tham gia của xã hội đối với công tác phòng chống HIV/AIDS.</p> <p>5.3.1 Thiết kế và thực hiện các văn bản hướng dẫn và kế hoạch nhằm đổi mới các hoạt động thông tin, tuyên truyền và giáo dục về thay đổi hành vi trong phòng chống HIV/AIDS ở các ban, ngành và tổ chức cấp trung ương, theo tinh thần đổi mới và phối hợp liên ngành;</p> <p>5.3.2 Biên soạn, thiết kế và ấn hành các chương trình, giáo trình tập huấn/đào tạo về công tác chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện phương thức tiếp cận mới trong công tác thông tin, tuyên truyền và giáo dục về thay đổi hành vi;</p> <p>5.3.3 Tổ chức tập huấn/đào tạo nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng trong công tác chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và giáo dục về thay đổi hành vi.</p>	<p>Ban Khoa giáo và Ban Tư tưởng - Văn hoá TƯ ở các cấp, Ủy ban các Vấn đề xã hội của Quốc hội và HĐND các tỉnh được lựa chọn.</p> <p>Ban Tư tưởng - Văn hoá TƯ và các cơ quan trực thuộc cấp cơ sở, cũng như các phương tiện thông tin đại chúng trong nước</p>	
--	--	---	---	--	--

## **\*\* Các từ viết tắt trong Văn kiện CPAP và Khuôn khổ Kết quả và Nguồn lực:**

ADB:	Ngân hàng Phát triển Châu Á	KT - XH:	Kinh tế - xã hội
ASMED	Cơ quan Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ	NEX:	Phương thức quốc gia điều hành dự án
ASXH:	An sinh xã hội	Ngân hàng NNVN:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
AUSAID:	Chương trình Viện trợ nước ngoài của Chính phủ Ôt-xtrây-li-a	NGO:	Tổ chức phi chính phủ
Ban TTVHTU:	Ban Tư tưởng, Văn hóa trung ương	ODA:	Trợ giúp phát triển chính thức
Bảo hiểm XHVN	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	PARC:	Dự án “Quản lý tài nguyên ở các khu bảo tồn thiên nhiên” do UNDP và GEF tài trợ.
Bảo hiểm YTVN	Bảo hiểm Y tế Việt Nam	SDC:	Cơ quan Phát triển và Hợp tác Thụy Sĩ
BHXH:	Bảo hiểm xã hội	SIDA:	Cơ quan Phát triển quốc tế Thụy Điển
Bộ GD & ĐT:	Bộ Giáo dục & đào tạo	SNV:	Tổ chức Phát triển Hà Lan
Bộ KH & CN:	Bộ Khoa học & công nghệ	SBAA:	Hiệp định Trợ giúp khung cơ bản
Bộ NN&PTNT:	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở KH & ĐT	Sở Kế hoạch & đầu tư
Bộ TC:	Bộ Tài chính	Sở NN & PTNT	Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn
Bộ YT:	Bộ Y tế	Sở TN&MT:	Sở Tài nguyên - Môi trường
Bộ NV:	Bộ Nội vụ	UBKHCN & MT	Ủy ban Khoa học, công nghệ & môi trường
Bộ CN:	Bộ CN	UBQG	Ủy ban quốc gia
Bộ TP:	Bộ Tư pháp	USAID:	Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ
Bộ LĐTB&XH:	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Thanh tra CP:	Thanh tra Chính phủ
Bộ TN&MT:	Bộ Tài nguyên - Môi trường	Tổng cục TK:	Tổng cục Thống kê
Bộ TM:	Bộ Thương mại	UBND:	Ủy ban Nhân dân
Bộ KH&ĐT:	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UNCDF:	Quỹ Hỗ trợ phát triển Liên Hợp Quốc
Bộ CA:	Bộ Công an	UNDAF	Khuôn khổ Trợ giúp phát triển của Liên Hợp Quốc
CCHC	Cải cách hành chính	UNICEF:	Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc
CIDA:	Cơ quan Phát triển quốc tế Canada	UNDG:	Nhóm các Tổ chức phát triển của Liên Hợp Quốc
CPAP:	Kế hoạch thực hiện Chương trình Quốc gia	Văn phòng CP:	Văn phòng Chính phủ
CTMTQG	Chương trình Mục tiêu Quốc gia	Viện KHCNQG	Viện Khoa học & công nghệ quốc gia
Đài THVN	Đài Truyền hình Việt Nam	Viện KH&XHVN	Viện Khoa học xã hội Việt Nam
DANIDA:	Cơ quan Phát triển quốc tế Đan Mạch	Viện QLKTU'	Viện Quản lý kinh tế trung ương
DFID:	Cơ quan Phát triển quốc tế Vương quốc Anh	XĐGN:	Xóa đói giảm nghèo
GEF/SGP:	Các dự án quy mô nhỏ do Quỹ môi trường toàn cầu tài trợ	WB:	Ngân hàng Thế giới
HĐND:	Hội đồng Nhân dân	WTO	Tổ chức Thương mại thế giới
ISO:	Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế		

- \*
- Lượng kinh phí được cung cấp từ nguồn vốn thường xuyên I (TRAC I) cho Chương trình Quốc gia (2006 - 2010) là 20.128.000 USD. Tuy nhiên, với lượng kinh phí bổ sung từ nguồn vốn thường xuyên II (TRAC II), con số này có thể lên tới 33.000.000 USD. Như nêu trong Khuôn khổ Kết quả và Nguồn lực, lượng kinh phí được cung cấp từ các nguồn vốn thường xuyên là 30.000.000 USD.
  - Tổng nguồn vốn thường xuyên dự kiến phân bổ cho 5 mục tiêu của Chương trình Quốc gia là 28,5 triệu USD (95%), 5% còn lại (1,5 triệu USD) được dành riêng làm nguồn vốn dự phòng cho Chương trình Quốc gia.